

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
KHOA/BỘ MÔN: QUAN HỆ QUỐC TẾ



**CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN
CẤP TRƯỜNG NĂM 2011**

Tên công trình:

**AN NINH TỰ NHIÊN:
NGUỒN GỐC, KHÁI NIỆM VÀ
NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN**

Sinh viên thực hiện:

Chủ nhiệm : Quảng Trọng Ngọc Ân, QH6-08, niên khóa 2008-2012

Thành viên : Nguyễn Thị Phương Mai, QH7-09, niên khóa 2009-2013

Người hướng dẫn:

Chu Duy Ly, Giảng viên Khoa Quan hệ Quốc tế

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	3
CHƯƠNG I: CƠ SỞ VỀ AN NINH TRONG QUAN HỆ QUỐC TẾ	10
<i>1.1 Các khái niệm an ninh.....</i>	<i>10</i>
<i>1.2 Phân loại an ninh</i>	<i>13</i>
<i>1.2.1 An ninh truyền thống.....</i>	<i>14</i>
<i>1.2.2 An ninh phi truyền thống</i>	<i>17</i>
<i>1.3 Quan điểm về đảm bảo an ninh của các trường phái lý luận chính trong quan hệ quốc tế.....</i>	<i>23</i>
CHƯƠNG II: AN NINH TỰ NHIÊN	28
<i>2.1 Nguồn gốc khái niệm An ninh Tự nhiên</i>	<i>28</i>
<i>2.2 Khái niệm An ninh Tự nhiên.....</i>	<i>31</i>
<i>2.3 Các vấn đề nội hàm của an ninh tự nhiên</i>	<i>34</i>
<i>2.3.1 Tiêu thụ.....</i>	<i>34</i>
<i>2.3.1.1 Năng lượng</i>	<i>34</i>
<i>2.3.1.2 Khoáng sản</i>	<i>38</i>
<i>2.3.1.3 Nguồn nước.....</i>	<i>43</i>
<i>2.3.1.4 Đất đai</i>	<i>47</i>
<i>2.3.2 Hệ quả</i>	<i>50</i>
<i>2.3.2.1 Biến đổi khí hậu</i>	<i>50</i>
<i>2.3.2.2 Đa dạng sinh học.....</i>	<i>54</i>
CHƯƠNG III: SO SÁNH KHÁI NIỆM AN NINH TỰ NHIÊN VÀ CÁC KHÁI NIỆM AN NINH GẦN NGHĨA	57
<i>3.1 Một số khái niệm an ninh gần với an ninh tự nhiên.....</i>	<i>57</i>
<i>3.1.1 An ninh sinh thái</i>	<i>57</i>
<i>3.1.2 An ninh môi trường</i>	<i>59</i>

3.1.3 An ninh lương thực.....	61
3.1.4 An ninh năng lượng.....	63
3.2 Triển vọng của khái niệm an ninh tự nhiên	65
KẾT LUẬN	71
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	72
PHỤ LỤC.....	76

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài:

An ninh là một khái niệm cơ bản và quan trọng trong quan hệ quốc tế. Hiểu rõ được bản chất của khái niệm này cũng như những nội hàm và sự ảnh hưởng của nó sẽ giúp lý giải hành vi của các chủ thể khi tham gia vào nền chính trị quốc tế. Đó cũng là lý do vì sao cho đến tận ngày nay, những nghiên cứu về an ninh cũng như các chiến lược an ninh quốc gia vẫn luôn được tất cả các quốc gia trên thế giới quan tâm. Đồng thời, những nội dung đó cũng đóng góp một phần lớn trong việc hình thành chính sách đối ngoại của quốc gia.

Cho đến nay, các học giả vẫn có nhiều quan điểm và cách phân loại khác nhau về an ninh. Tuy nhiên, có một điều có thể dễ dàng nhận thấy đó chính là sự tác động của quá trình toàn cầu hóa đã ảnh hưởng trực tiếp lên khái niệm an ninh. Nếu như từ trước Chiến Tranh Lạnh trở đi, an ninh của một quốc gia được hiểu cơ bản là sự đảm bảo và an toàn về mặt quân sự trước quốc gia khác thì từ những năm 90 trở lại đây, sự xuất hiện của các vấn đề toàn cầu như nghèo đói, dịch bệnh, sự nóng lên toàn cầu, vv... đã đưa khái niệm an ninh vượt ra khỏi lãnh thổ của một quốc gia. Đó cũng chính là sự ra đời của khái niệm an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống.

Trong thế kỷ 21, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của quá trình toàn cầu hóa, các vấn đề về an ninh phi truyền thống nổi lên như tâm điểm của các quốc gia trong quá trình cùng tồn tại. Sự nóng lên toàn cầu, sự suy thoái, cạn kiệt nguồn đất, sự phát triển của chủ nghĩa khủng bố, vv... đã giúp chúng ta hiểu rõ hơn về những sự bất ổn đang ngày càng gia tăng của thế giới. Khái niệm an ninh quốc gia trong thời đại này cũng có nhiều thay đổi. An ninh của một quốc gia hiện nay không chỉ đơn thuần nằm ở lực lượng quân đội,

số lượng súng ống, đạn dược mà còn nằm ở các chính sách của quốc gia trước những vấn đề mang tính toàn cầu như nghèo đói, dịch bệnh, tội phạm quốc tế, vv...

Nổi bật trong số các vấn đề nói trên có các vấn đề về tranh chấp nguồn tài nguyên thiên nhiên của các quốc gia. Điều này thật ra không phải là một vấn đề mới trong lịch sử. Những cuộc săn tìm vàng, gia vị, thuốc lá, trà giữa các nước đế quốc từ thế kỷ XVI, hành động của Saddam Hussein tiến hành chiếm đóng Kuwait vào năm 1991, hay như sự tranh chấp về chủ quyền ở biển Đông giữa Trung Quốc và các quốc gia Đông Nam Á trong một vài năm trở lại đây là những ví dụ điển hình cho sự tiếp diễn không ngừng của các cuộc xung đột về tài nguyên thiên nhiên. Dưới tác động của toàn cầu hóa mà cụ thể sự lan rộng của công nghiệp hóa đã khiến cho nguồn tài nguyên thiên nhiên trên trái đất bị suy giảm nghiêm trọng, Nhu cầu sử dụng tài nguyên thiên nhiên ngày càng tăng trong khi trữ lượng tài nguyên thiên nhiên lại có hạn. Điều này mang lại những thách thức lớn cho an ninh của các quốc gia. Ví dụ như sự mất rừng và nguồn thủy sản ở Mexico đã ảnh hưởng lâu dài đến sự ổn định về kinh tế và an ninh trong quốc gia này; sự quản lý yếu kém của chính phủ Somalia trong việc kiểm soát đánh bắt cá bất hợp pháp và thực thi pháp luật đã góp phần cho nạn cướp biển phổ biến ở nước này, từ đó dẫn đến những phản ứng quân sự quốc tế ở vịnh Aden, vv... Cần phải lưu ý rằng không phải tất cả các vấn đề về nguồn tài nguyên nào cũng mang lại những hậu quả tiêu cực cho an ninh quốc gia, tuy nhiên cũng không thể phủ nhận, các vấn đề này có liên quan chặt chẽ đến sự ổn định về chính trị và an ninh.

Sự suy thoái môi trường đang diễn ra hàng ngày đã cho thấy sự bất ổn và đe dọa đến từ nguồn tài nguyên thiên nhiên là một điều hoàn toàn không thể tránh khỏi. Các quốc gia ngày nay có hai cách để phản ứng lại mối đe dọa này; một là chấp nhận, hai là hình thành nên một cách thức mới để tiếp cận và chuẩn bị cho mình những cách hành xử tốt nhất. *Đây cũng chính là nhu cầu khách quan cho việc mở ra một lĩnh vực nghiên cứu mới về an ninh tự nhiên.*

2. Tình hình nghiên cứu về tài:

Do đây là một đề tài còn khá mới nên ở trên thế giới cũng như tại Việt Nam có rất ít các tài liệu nghiên cứu về vấn đề này.

Trên thế giới, khái niệm “an ninh tự nhiên” lần đầu tiên được nhắc đến bởi Hal Harvey vào năm 1988 trong bài viết “*An ninh Tự nhiên: Để tránh Chiến tranh, Cần những Chính sách Mới để Quản lý những Nguồn Tài nguyên của Trái đất*”. Bài viết này được xuất bản trên một tạp chí có tên là *Nuclear Times*. Trong bài viết trên, Harvey không định nghĩa bản chất của an ninh tự nhiên mà ông đề cập đến bốn khía cạnh để chỉ ra vai trò của an ninh tự nhiên trong vấn đề an ninh quốc gia. Năm 2008, Trung tâm An ninh Hoa Kỳ mới (Center for New American Security) đã cho ra đời chương trình nghiên cứu về an ninh tự nhiên (Natural Security Program). Năm 2009, trung tâm này cũng đã cho xuất bản một tổng hợp nghiên cứu về các vấn đề có liên quan do bà Sharon Burke đứng tên.

Tuy nhiên, tại Việt Nam, đa phần các bài viết về “an ninh tự nhiên” đều chưa rõ ràng và có thể bị trùng lặp về khái niệm. Bài viết chính thức duy nhất về An ninh Tự nhiên được đăng tải đầu tiên và duy nhất trên Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu của tác giả Chu Duy Ly.

3. Mục đích và nhiệm vụ của đề tài:

Công trình nghiên cứu nhằm trả lời cho các câu hỏi sau:

- Thứ nhất: “An ninh tự nhiên” là gì? (Nguồn gốc, khái niệm và những nội hàm của khái niệm này)
- Thứ hai: Thuật ngữ “An ninh tự nhiên” có vị trí như thế nào trong hệ thống các thuật ngữ và khái niệm về an ninh trong ngành Quan hệ Quốc tế. (Đây là một khái niệm mới hoàn toàn hay trùng lặp, chồng lấn lên các thuật ngữ an ninh khác?)

Bên cạnh đó, công trình sẽ là một nguồn tài liệu tham khảo cần thiết cho Sinh viên và Giảng viên trong quá trình học tập và giảng dạy các môn học thuộc ngành khoa học Chính trị, Quan hệ Quốc tế và các ngành khoa học có liên quan.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu:

Các phương pháp nghiên cứu được áp dụng khác nhau tùy theo đặc điểm của từng chương trong công trình nghiên cứu. Những phương pháp nghiên cứu chính bao gồm:

- Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế: Phương pháp này nhằm giúp người đọc có cái nhìn đa chiều kích và toàn diện hơn về vấn đề được nghiên cứu (cụ thể ở đây là “an ninh tự nhiên”). Phương pháp này dựa trên việc sử dụng các lý thuyết chính như các lăng kính (lenses) kết hợp với các cấp độ phân tích (analytical levels) trong quan hệ quốc tế để lý giải và phân tích vấn đề. Các lý thuyết chính trong quan hệ quốc tế bao gồm:
 - o Chủ nghĩa Hiện thực (Realism)
 - o Chủ nghĩa Tự do (Liberalism)
 - o Chủ nghĩa Kiến tạo (Constructivism)

Các cấp độ phân tích trong ngành quan hệ quốc tế gồm có: Cấp độ Hệ thống (Global Level), Cấp độ Liên Quốc Gia (Inter-state Level), Cấp độ Trong nước hay còn gọi là Cấp độ Quốc gia (Domestic/State Level) và Cấp độ Cá nhân (Individual Level). Việc sử dụng các lý thuyết và các cấp độ phân tích trong quan hệ quốc tế là cần thiết và là phương pháp chính được sử dụng trong công trình nghiên cứu.

- Phương pháp nghiên cứu lịch sử: nhằm tìm hiểu nguồn gốc và tiến trình phát triển của vấn đề.
- Phương pháp truy nguyên: nhằm tìm hiểu nguyên nhân, bản chất vấn đề từ kết quả có được, xem xét, tìm hiểu đối chiếu tính đúng sai của vấn đề.
- Phương pháp logic: nhằm sắp xếp và xâu chuỗi các vấn đề, làm sáng tỏ các quan hệ nhân – quả; giả thuyết – kết luận;...

- Phương pháp nghiên cứu tình huống: thông qua việc đưa ra, phân tích những trường hợp cụ thể nhằm làm sáng tỏ, chứng minh và khẳng định, kết luận vấn đề.
- Phương pháp phân tích dự đoán: thông qua các giả thiết và lập luận, đưa ra dự đoán hướng phát triển và tương lai của vấn đề
- Từ những lập luận cũng như những chi tiết đưa ra trong bài, chúng tôi có thể đưa ra dự đoán mang tính đóng góp về sự tồn tại, phát triển và khuynh hướng hoạt động trong tương lai của vấn đề.
- Phương pháp nghiên cứu liên ngành: nhằm áp dụng các kiến thức từ các ngành kinh tế học, xã hội học, logic học, lý thuyết trong quan hệ quốc tế ... nhằm làm sáng tỏ vấn đề ở nhiều khía cạnh.

5. Giới hạn của đề tài:

Trong khuôn khổ của một công trình nghiên cứu khoa học sinh viên, đề tài chỉ mới đưa ra những kiến thức cơ bản về “an ninh tự nhiên”, sự khác biệt giữa “an ninh tự nhiên” và các khái niệm an ninh khác chứ chưa đi sâu vào phân tích tác động cụ thể của “an ninh tự nhiên” lên an ninh của quốc gia như thế nào; chưa đưa ra một cách giải thích chung cho cách hành xử của các quốc gia đối với những vấn đề có liên quan đến an ninh tự nhiên.

6. Đóng góp mới của đề tài:

Công trình nghiên cứu là sự tổng hợp một cách có hệ thống các quan điểm của các chủ nghĩa chính trong quan hệ quốc tế (chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa kiến tạo) về khái niệm “an ninh”, từ đó chỉ ra được tính tất yếu của việc nghiên cứu về “an ninh tự nhiên” hiện nay. Các định nghĩa, nguồn gốc và nội hàm có liên quan đến vấn đề này được trình bày trong đề tài sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu chuyên sâu hơn về khái niệm này trong tương lai, đặt nền tảng cho việc xây dựng một hướng nghiên cứu mới về “an ninh” trong Quan hệ Quốc tế.

7. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn:

Về mặt lý luận, như đã trình bày ở trên, “an ninh” luôn là một khái niệm cơ bản và là một trong ba lợi ích cơ bản của một quốc gia khi tham gia vào quan hệ quốc tế. “An ninh tự nhiên” là một khái niệm mới, nằm trong những vấn đề của “an ninh phi truyền thống” và vẫn thường bị nhầm lẫn, trùng lặp về mặt ý nghĩa với nhiều khái niệm khác như: an ninh sinh thái, an ninh môi trường, vv... Vì thế, thông qua công trình nghiên cứu này, nhóm tác giả sẽ đem đến cho người đọc một cái nhìn rõ nét nhất về “an ninh tự nhiên”. Khái niệm này bắt nguồn từ đâu, tại sao phải nghiên cứu về nó và nội dung có nó bao gồm những gì sẽ là những câu hỏi mà toàn bộ công trình cố gắng giải đáp. Bài viết là một cách nhìn, một sự tìm hiểu mới về khái niệm an ninh.

Về mặt thực tiễn, trong bối cảnh toàn cầu hóa như hiện nay, khi mà nhu cầu sử dụng nguồn tài nguyên ngày càng tăng cao thì nguồn tài nguyên của một quốc gia đóng vai trò như một công cụ để đảm bảo an ninh quốc gia. Những quốc gia nào quản lý tốt nguồn tài nguyên sẽ có thể góp phần cho sự phát triển kinh tế, và ngược lại, nếu như khai thác nguồn tài nguyên không hiệu quả sẽ dễ dàng dẫn đến những bất ổn về chính trị trong cả đối nội lẫn đối ngoại của quốc gia đó. Hiểu rõ những vấn đề của khái niệm “an ninh tự nhiên” sẽ giúp ta có cái nhìn đúng đắn hơn về tình hình của một quốc gia, từ đó lý giải được những ứng xử của các quốc gia khi tham gia vào quan hệ quốc tế. Liên hệ với Việt Nam, khái niệm này sẽ đem lại một cách nhìn nhận mới trong quá trình hoạch định chính sách quốc gia cũng như những ứng xử của Việt Nam đối với vấn đề này trong tương lai.

8. Kết cấu của đề tài:

Công trình nghiên cứu bao gồm ba chương chính.

Chương thứ nhất là những cơ sở nền tảng về “an ninh”. Chương này sẽ tập trung phân tích khái niệm “an ninh” dưới nhiều cấp độ khác nhau cũng như dưới quan điểm của những chủ nghĩa cơ bản trong quan hệ quốc tế là chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự do và

chủ nghĩa kiến tạo. Từ cơ sở đó, nhóm nghiên cứu đi sâu vào phân tích khái niệm này qua cách phân loại, an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống.

Chương thứ hai tập trung vào các khía cạnh có liên quan của “an ninh tự nhiên”, bao gồm: nguồn gốc khái niệm, định nghĩa và các nội hàm. Phần nội hàm bao gồm sáu yếu tố, được chia thành hai loại: tiêu thụ (năng lượng, khoáng sản, đất đai, nguồn nước) và hậu quả (đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu).

Chương cuối cùng bao gồm hai phần chính, một là sự tương quan giữa khái niệm “an ninh tự nhiên” và các khái niệm an ninh phi truyền thống khác; hai là vai trò và tầm ảnh hưởng của khái niệm này trong tương lai. Dựa vào định nghĩa về “an ninh tự nhiên” ở chương II, phần này sẽ tập trung so sánh sự giống và khác nhau với các khái niệm như: an ninh năng lượng, an ninh sinh thái, an ninh môi trường, vv... Từ đó sơ đồ hóa nhằm làm rõ bản chất của “an ninh tự nhiên”. Cuối cùng là phần dự báo của nhóm tác giả về vai trò của “an ninh tự nhiên” trong cách ứng xử và mối quan hệ của các quốc gia trong tương lai.

CHƯƠNG I: CƠ SỞ VỀ AN NINH TRONG QUAN HỆ QUỐC TẾ

An ninh là một khái niệm nằm trong nhiều ngành khoa học như sinh học, xã hội học, nhân học, khoa học hành vi,... Chương này nhằm làm rõ khái niệm an ninh trong quan hệ quốc tế theo cách hiểu của nhóm nghiên cứu đồng thời bước đầu phân loại an ninh dựa trên một số cách phân loại phổ biến đặc biệt tập trung vào cách phân loại theo thời gian xuất hiện. Từ đó, tạo cơ sở về an ninh để thực hiện các chương tiếp theo.

1.1 Các khái niệm an ninh

An ninh là một trong những khái niệm cơ bản trong quan hệ quốc tế. Hiểu rõ được bản chất của an ninh, sự ảnh hưởng và những nội hàm của khái niệm này sẽ góp phần lý giải được hành vi của các chủ thể trong quan hệ quốc tế. Trong chính trị quốc tế, theo từ điển Webster, từ “an ninh” (Security) được định nghĩa như **sự tự do trước nỗi sợ hãi và lo lắng**¹.

Từ điển của Bộ Quốc Phòng Mỹ định nghĩa “An ninh” bao gồm ba yếu tố. Thứ nhất đó là những biện pháp được thực hiện bởi một đơn vị quân sự hoặc một hoạt động nhằm bảo vệ bản thân trước những hoạt động được thiết kế sẵn nhằm làm giảm ảnh hưởng của nó. Thứ hai đó là một điều kiện, kết quả của việc thành lập và duy trì các biện pháp trước sự ảnh hưởng đến trạng thái bất khả xâm phạm hoặc của hành vi thù địch. Thứ ba là trạng thái ngăn chặn những truy cập bất hợp pháp vào các thông tin được chính thức bảo vệ nằm trong lợi ích của quốc gia.²

¹ Merriam – Webster’s Collegiate Dictionary (2008), truy cập tại địa chỉ www.merriam-webster.com/dictionary/security.

² United States Department of Defense (2001), *Dictionary of Military and Associated Terms*, security, truy cập tại địa chỉ <http://www.military-dictionary.org/DOD-Military-Terms/>

Theo Từ điển Thuật ngữ Quan hệ Quốc tế, “*An ninh, hiểu theo một nghĩa đơn giản nhất, là khả năng giữ vững sự an toàn trước các mối đe dọa. Tuy nhiên, an ninh không phải là một khái niệm tĩnh mà là một khái niệm động và trải qua nhiều thay đổi về cách hiểu, cũng như cách tiếp cận. Từ một ý niệm truyền thống xoay quanh các chủ đề quân sự, chiến tranh và bạo lực, khái niệm an ninh với những kết nối mới đã mở ra những chiều kích xuất phát từ nhiều lãnh vực khác nhau*”.³

Trong Từ điển quân sự Việt Nam, an ninh được định nghĩa là ***trạng thái ổn định, an toàn, không có dấu hiệu nguy hiểm đe dọa sự tồn tại và phát triển bình thường của cá nhân, của tổ chức, của từng lĩnh vực trong hoạt động xã hội hoặc của an toàn xã hội***.⁴

Ở định nghĩa trên, ta có thể nhận thấy rõ các điểm sau. Thứ nhất, bản chất của an ninh được thể hiện ở hai yếu tố: *an toàn (về mặt vật chất)* và *yên tâm (về mặt tinh thần)*. Thêm nữa, có thể hiểu an ninh bao hàm hai yếu tố, *an toàn* và *không bị đe dọa*. Theo định nghĩa này, an ninh là một trạng thái tinh thần của một cá nhân, cho dù bất kì người đó là ai, cảm thấy an toàn trước sự đe dọa bị tấn công từ người khác. Cũng từ đó, an ninh quốc gia có thể hiểu là trạng thái của một quốc gia không bị đe dọa bởi chủ thể quốc gia hoặc phi quốc gia khác gây tại họa cho mình. “An ninh” được xem như một trạng thái tinh thần chủ quan chứ không phải điều kiện tồn tại khách quan. Nó phụ thuộc vào cảm nhận của một cá nhân về vị trí của mình trong một môi trường nào đó chứ không nêu ra được đặt tính khách quan của môi trường. Như vậy, ta thấy được đặc tính cơ bản của an ninh chính là tính chủ quan. Một người có thể cảm thấy an ninh trong môi trường này nhưng lại có thể cảm thấy không an ninh ở trong môi trường khác. Điều làm cho một cá nhân này cảm thấy an ninh chưa chắc có thể làm cho cá nhân khác cũng cảm thấy như vậy. Sự an toàn của người này hoàn toàn có thể là sự mất an toàn đối với người khác. Và

³ Khoa QHQT – ĐH KHXH & NV Tp.HCM, *Từ điển Thuật ngữ Quan hệ Quốc tế*, Đề tài nghiên cứu cấp ĐHQG. Đây là đề tài sẽ được nghiệm thu vào tháng 04/2012. GVHD của nhóm là 1 trong số những thành viên của đề tài do đó nhóm có cơ hội để tiếp cận tài liệu này

⁴ Bộ Quốc Phòng (2005), *Từ điển Bách khoa Quân sự Việt Nam*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội.

cũng chính vì tính chủ quan đó mà không thể nào đạt đến mức gọi là “an ninh hoàn toàn” hoặc “mất an ninh tuyệt đối”. Đối với an ninh của một quốc gia cũng vậy, không có an ninh hoàn toàn và mất an ninh tuyệt đối. Tất cả chỉ là một cảm nhận chủ quan về mức độ trước sự tác động của các chuỗi sự việc khách quan.

Thứ hai, đối tượng của an ninh là tồn tại và phát triển. Đó cũng chính là hai lợi ích lớn nhất và cơ bản nhất đối với mỗi sự vật, hiện tượng, con người trong thế giới này. Khi con người tập hợp nhau lại thành cộng đồng ngày một lớn, các cộng đồng người này dần dần hình thành nên tổ chức của loài người được gọi là các nhà nước hay quốc gia. Khi các quốc gia tham gia vào nền chính trị quốc tế thì khái niệm an ninh không chỉ là tồn tại và phát triển mà nó được nâng lên thành tồn tại, phát triển và ảnh hưởng.

Thứ ba, chủ thể của an ninh là cá nhân, tổ chức, quốc gia, khu vực, liên khu vực, ...

Thứ tư, các lĩnh vực mà an ninh tác động đến là tất cả mọi lĩnh vực xã hội như chính trị, kinh tế, văn hóa, môi trường, sinh thái,...

Thứ năm, đối với quan hệ quốc tế an ninh đối với một quốc gia mang ý nghĩa “ngăn chặn và loại trừ chiến tranh” đồng thời “không bị tác động từ các xung đột quốc tế”.

Nhóm nghiên cứu cho rằng khái niệm an ninh của Từ điển Quân sự Việt Nam là khái niệm khá toàn diện và đầy đủ về an ninh.

Như vậy, ta có thể thấy vẫn có khá nhiều quan điểm khác nhau về an ninh. Do đó khi nghiên cứu về vấn đề này, cần phải lựa chọn cách tiếp cận cho phù hợp đối với từng khái niệm hoặc chọn cách tiếp cận toàn diện nhất từ các điểm mạnh của các khái niệm về an ninh.

1.2 Phân loại an ninh

Do sự không thống nhất trong định nghĩa mà các học giả có nhiều cách phân loại về an ninh.

Cách phân chia thứ nhất dựa trên các lĩnh vực trong đời sống, người ta chia an ninh thành an ninh chính trị, an ninh quân sự, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa, vv... An ninh chính trị liên quan đến các vấn đề đảm bảo chủ quyền, chế độ chính trị, môi trường chính trị trong ngoài nước,..., An ninh quân sự nhấn mạnh đến việc không bị đe dọa, an toàn biên giới. An ninh kinh tế đề cập đến sự phát triển vững chắc, không lệ thuộc vào các quốc gia khác. Trật tự xã hội (an ninh) nhằm đảm bảo pháp quyền, kỷ cương, an toàn xã hội trong mỗi một quốc gia. An ninh văn hoá lại bàn về bản sắc quốc gia, các yếu tố lành mạnh của văn hóa,...

Cách phân chia thứ hai dựa trên dựa vào cấp độ tiếp cận, ta có thể phân loại thành: an ninh quốc tế, an ninh quốc gia và an ninh con người. Hiểu một cách đơn giản an ninh quốc tế (international security) là môi trường an toàn chung của các quốc gia; an ninh quốc gia (national Security) là tình trạng an toàn của quốc gia về quân sự, chính trị quyền lực và kinh tế; An ninh con người (human security) là sự không bị sợ hãi (bao gồm việc đạt được các điều mong muốn và đạt được an toàn tương lai) của cá nhân con người.

Cách phân chia thứ ba dựa trên mối quan hệ giữa nhận thức và thực tiễn của con người (vấn đề cơ bản của triết học), an ninh được chia thành hai loại an ninh nhận thức (perceived security) và an ninh thực tế (real security). An ninh được nhận thức có thể khác an ninh thực tế bởi tác động của kiến thức, tâm sinh lý, hoàn cảnh,...

Trên đây là ba cách phân loại phổ biến nhất. Tuy nhiên, để có một cái nhìn tổng quát nhất về các hình thái của an ninh, nhóm nghiên cứu đứng trên quan điểm phân loại thứ tư dựa trên chiều dài lịch sử (thời gian xuất hiện). Theo cách phân loại này, an ninh được chia thành hai loại lớn, đó chính là **an ninh truyền thống** và **an ninh phi truyền thống**.

1.2.1 An ninh truyền thống

Từ thế kỷ XX trở về trước, ta có thể dễ dàng nhận thấy khái niệm “an ninh” trong quan hệ quốc tế hầu hết bị chi phối bởi bối cảnh của các cuộc xung đột và chiến tranh. Khái niệm “an ninh” ở đây gắn liền với sức mạnh về quân sự, vũ trang (quyền lực cứng) và có thể được hiểu một cách đơn giản chính là khả năng của một quốc gia có thể ngăn chặn các cuộc xâm lược vũ trang đến từ bên ngoài. Người ta gọi đó là “**an ninh truyền thống**”. Về bản chất, “an ninh truyền thống” bị chi phối chủ yếu bởi chủ nghĩa hiện thực. Chủ nghĩa hiện thực nhìn nhận “an ninh” như một vấn đề cốt lõi và là một nhu cầu không thể thiếu trong đời sống chính trị của các quốc gia. Xuất phát từ bản chất của con người là ích kỷ và luôn khao khát quyền lực, xung đột là tất yếu và không thể tránh khỏi, an ninh từ đó là một nhu cầu cấp thiết, là lý do căn bản nhất cho sự tồn tại và phát triển.

Chủ nghĩa hiện thực đồng thời cũng đề cao vai trò của “an ninh quốc gia”. Do những đặc điểm bản chất của hệ thống quốc tế gần với các quốc gia có chủ quyền và do các quốc gia có chủ quyền cấu thành, quyết định, an ninh chiếm một địa vị ưu tiên nhất trong các việc mà quốc gia cần phải làm⁵. Nhà nước – người đại diện cao nhất cho một đất nước bên ngoài – đóng vai trò là người duy nhất sở hữu, bảo vệ và duy trì an ninh, thông qua sức mạnh quân đội hay liên minh với các đồng minh

Có thể giải thích khái niệm “An ninh” dưới quan điểm của chủ nghĩa hiện thực như sau. Yếu tố đầu tiên chính là hòa ước Westphalia năm 1648 - văn kiện đầu tiên đưa ra khái niệm về quốc gia – dân tộc. Trong đó đã nêu rõ một quốc gia để được công nhận cần phải có được bốn yếu tố căn bản, đó là *một số lượng dân cư nhất định, một lãnh thổ nhất định, một tổ chức chính quyền nhất định* và phải có *chủ quyền*. Nói cách khác, đây chính là bốn yếu tố cơ bản cấu thành nên an ninh của quốc gia. Ba yếu tố đầu, dân cư, lãnh thổ và chính quyền là các yếu tố tiên quyết cần có, nếu mất đi thì quốc gia không còn là quốc gia nữa. Yếu tố cuối cùng, chủ quyền (sovereignty), có thể hiểu là quyền tự quyết định của một quốc gia bao gồm cả đối nội và đối ngoại. Trong đối nội, quốc gia

⁵ Vương Dật Châu (2004), “An ninh quốc tế trong thời đại toàn cầu hóa”, Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.

phải là tối cao. Trong đối ngoại, quốc gia phải bình đẳng và không chịu bất kỳ sự chi phối nào của bên ngoài. Chính vì vậy mà quốc gia còn bao hàm nhiều đặc tính khác như tính độc lập và tính tự chủ. Các đặc tính này quy định quốc gia khi tham gia vào quan hệ quốc tế phải luôn hành động một cách lý trí nhằm bảo vệ lợi ích lớn nhất của bản thân mình. Điều này làm nên tính tất yếu của an ninh đối với quốc gia. Do sự độc lập của các quốc gia khi tham gia vào quá trình này nên nhìn theo một cách tổng thể, xã hội quốc tế là tập hợp của những quốc gia độc lập với nhau, hay “vô chính phủ”. Nói cách khác là không có bất kỳ một nhà nước nào ở trên các quốc gia, cũng như các quốc gia tuyệt đối không chấp nhận sự tồn tại của bất kỳ một cơ cấu quyền lực nào cao hơn để thi hành “chủ quyền” đối với họ. Và cũng trong hệ thống quốc tế vô chính phủ đó, các quốc gia, như đã nói ở trên, luôn hành động nhằm bảo vệ lợi ích của mình. Điều này lại đưa ta đến với một khái niệm cơ bản khác của chủ nghĩa hiện thực đó chính là quyền lực. Do không có tồn tại một chính quyền nào cao hơn quốc gia nên các quốc gia phải luôn đấu tranh giành quyền lực nhằm đảm bảo an ninh cho mình. Có thể hiểu ở đây như một mối quan hệ cạnh tranh, an ninh của một nước có thể trở thành một mối đe dọa cho sự không an ninh của một nước khác hoặc ngược lại. Thucydides, cha đẻ của chủ nghĩa hiện thực, đã gọi hiện tượng này là “*sự lưỡng nan về an ninh*” trong tác phẩm nổi tiếng “*Lịch sử cuộc chiến tranh Peloponnese*” của mình.

Athens và Sparta vốn là hai đồng minh từng hợp tác với nhau để chống lại đế chế Ba Tư (năm 480 TCN). Tuy nhiên, sau đó 50 năm cho đến giữa thế kỷ thứ V, thành bang Athens đã phát triển trở thành một đế chế hùng mạnh. Điều này làm cho người Sparta lo ngại. Thucydides cho rằng Sparta đã rơi vào một thế lưỡng nan về an ninh. Sự mạnh lên của Athens làm cho Sparta cảm thấy bị đe dọa và dẫn đến việc phải tăng cường an ninh của mình lên. Những khối liên minh về quân sự đã được thành lập và chiến tranh nổ ra như một lẽ tất yếu không thể tránh khỏi. Sự lưỡng nan về an ninh đã cho ta thấy được sự tác động vô cùng lớn của môi trường vô chính phủ. Vì không có một chính phủ nào cao hơn quốc gia nên động thái đơn phương tăng cường an ninh của một quốc gia có thể làm cho quốc gia khác mất an ninh. Giả sử có một quốc gia thứ nhất tăng cường an ninh nhằm

bảo vệ đất nước trước một quốc gia khác thì chắc chắn sẽ có một quốc gia thứ hai, sau khi nhận thấy sức mạnh ngày càng tăng của quốc gia thứ nhất, lập tức tăng cường lực lượng nhằm bảo vệ mình trước quốc gia thứ nhất. Điều này dẫn đến cả hai quốc gia cùng rơi vào tình trạng mất an ninh.

Như vậy đâu mới là giải pháp cho bài toán an ninh của các quốc gia? Nếu như những nhà chủ nghĩa hiện thực cho rằng cần chỉ có thể tìm thấy an ninh trong quyền lực quốc gia, tức là các quốc gia cần phải gia tăng sức mạnh về quân sự của mình để có được an ninh trước các quốc gia khác, thì chủ nghĩa hiện thực mới, mà người đứng đầu là Kenneth Waltz lại đặt an ninh vào trong hệ thống quốc tế. Khác với chủ nghĩa hiện thực cũ, chủ nghĩa hiện thực mới cho rằng quốc gia vẫn đóng vai trò chính trong quan hệ quốc tế, tuy nhiên các quốc gia này cần phải được sắp xếp một cách có trật tự dựa trên sự phân bổ về quyền lực, hình thành nên một hệ thống quốc tế. Theo cách này, thế giới có thể được chia thành hệ thống đơn cực, lưỡng cực hoặc đa cực. Tuy nhiên, về vấn đề hệ thống nào đảm bảo sự cân bằng quyền lực tốt hơn thì cho đến ngày nay vẫn còn nằm trong sự tranh luận của các học giả. Nếu như sau khi chiến tranh Lạnh kết thúc năm 1991, nhiều người đã lo ngại Mỹ sẽ trở thành một cực duy nhất chi phối toàn thể giới thì cho đến nay, tình hình thế giới trong kỷ nguyên toàn cầu hóa đã cho chúng ta thấy điều ngược lại. Sự nổi lên của cường quốc mới như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, vv... đã dần thu hẹp khoảng cách của Mỹ với vai trò là siêu cường của thế giới. Ngoài ra, còn phải kể đến sự xuất hiện của các chủ thể phi quốc gia như các tổ chức liên chính phủ (IGOs), tổ chức phi chính phủ (NGOs) và các công ty đa quốc gia (TNCs) đã đem lại màu sắc mới cho nền chính trị quốc tế hiện đại. Các quốc gia trở nên ngày càng phụ thuộc lẫn nhau, khả năng xung đột vũ trang bên ngoài tuy vẫn còn song đã có xu hướng giảm đi. Bên cạnh đó, thế giới lại xuất hiện nhiều mối đe dọa từ các lĩnh vực khác trong cuộc sống. Điều này đã đòi hỏi phải có một cách tiếp cận khác về an ninh.

1.2.2 An ninh phi truyền thống

Những năm sau khi hai cực tan rã, chiến tranh thế giới, đặc biệt là sự uy hiếp của chiến tranh hạt nhân, cũng từng bước bị đẩy lùi. Thay vào đó là sự phát triển nhanh chóng của hệ thống kinh tế quốc tế, sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế giữa các nước, sự xuất hiện của các công ty xuyên quốc gia, các thể chế kinh tế khu vực lẫn toàn cầu. Những điều trên kết hợp với mạng lưới thông tin điện tử tiên tiến và sự xuất hiện của các vấn đề mang tính toàn cầu đã hình thành nên một sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia. Hiện tượng này được định nghĩa là sự “toàn cầu hóa”⁶. Theo Ken Booth và Nicolas Wheeler luôn có một sự không an ninh tồn tại trong những mối quan hệ của con người, và đặc biệt là trên vũ đài của chính trị thế giới. Nguyên văn, “đối với nhiều người, sự sợ hãi làm cho thế giới tiếp tục” và “những sự không chắc chắn trong tương lai luôn xuất hiện đã làm cho chính trị quốc tế như một cái bẫy của sự bất an ninh mà không thể nào tránh khỏi”⁷. Thật vậy, sự suy giảm tương đối của những uy hiếp về quân sự và sự xuất hiện của những thách thức phi quân sự đã khiến cho khái niệm “an ninh” không còn bó hẹp trong những suy nghĩ truyền thống của các nhà chủ nghĩa hiện thực hay bao quanh trong lãnh thổ của một quốc gia nữa. Cục diện quốc tế không ngừng thay đổi theo hướng tiến bộ hơn, quan hệ quốc tế tuy vẫn chưa khắc phục được trạng thái vô chính phủ song cũng đã xuất hiện nhiều cơ chế phối hợp ăn khớp với nhau. Bên cạnh đó, những hoạt động của các tổ chức khủng bố quốc tế, sự biến đổi khí hậu, sự cạn kiệt các nguồn tài nguyên và năng lượng, những mối đe dọa của dịch bệnh, hậu quả của các cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới là những vấn đề mà ta không thể dùng tư duy và cách xử lý truyền thống để giải quyết được. Điều này cũng thể hiện được một điều chính là ngày nay các quốc gia ngày càng dễ bị tổn thương hơn trước những sự thay đổi. Hay như theo nhà báo

⁶ Scholte, Jan Aart (2005), *Globalization: A Critical Introduction*. Basingstoke: Palgrave Macmillan, 2nd edn.

⁷ Booth, K. and Wheeler, N. J. “Uncertainty,” Ed. P. D. Williams (Ed) (2008), *Security Studies: An Introduction*. London: Routledge, tr.133-150

Thomas L. Friedman, ông cho rằng “phải chăng thế giới đã trở nên quá nhỏ và quá nhanh cho con người và hệ thống chính trị của họ để điều chỉnh một cách ổn định?”⁸

Những lập luận trên đã cho ta thấy được nhu cầu của một khái niệm mới về “an ninh”. Khái niệm này phải là một quan điểm tổng hợp, đa dạng hơn về chủ thể và có thể khái quát được các vấn đề trong thời đại ngày nay. Các học giả gọi khái niệm này là “an ninh phi truyền thống”.

Cho đến nay, “an ninh phi truyền thống” vẫn chưa thống nhất. Song, cách hiểu về khái niệm này có thể tạm chia thành hai trường phái.

Trường phái thứ nhất quan niệm “an ninh phi truyền thống” là an ninh tổng hợp, một sự mở rộng trong những nội hàm của khái niệm “an ninh truyền thống” mà trong đó an ninh về quân sự vẫn là trung tâm. Theo Liên Hiệp Quốc, “an ninh phi truyền thống” bao gồm “an ninh con người và “an ninh cộng đồng”. Bản “Báo cáo phát triển con người” của Liên Hiệp Quốc vào năm 1994 đã nêu rõ “an ninh con người” bao gồm bảy lĩnh vực: an ninh kinh tế, an ninh lương thực, an ninh sức khỏe, an ninh môi trường, an ninh cá nhân, an ninh cộng đồng và an ninh chính trị.

Trường phái thứ hai cho rằng “an ninh phi truyền thống” là một khái niệm trái ngược với khái niệm “an ninh truyền thống”. Phạm vi của “an ninh phi truyền thống” không bao gồm lĩnh vực quân sự mà nằm ở những nguy cơ về an ninh mới như khủng hoảng kinh tế, ô nhiễm môi trường, tội phạm xuyên quốc gia, khủng bố, di cư bất hợp pháp, vv...

Có thể thấy, trường phái thứ hai cho ta một thuật ngữ rõ ràng hơn. Tuy nhiên, một điều hiển nhiên không thể phủ nhận đó chính là các yếu tố về quân sự và chủ quyền quốc gia vẫn luôn tồn tại và đóng một vai trò quan trọng trong quá trình quan hệ quốc tế cho đến tận ngày nay. Mỗi quốc gia bây giờ phải đứng trước hai thách thức. Thứ nhất, mỗi

⁸ Friedman, Thomas L. (2005), *The World Is Flat: A Brief History of the Twenty-first Century*, truy cập tại địa chỉ <http://www.thomasfriedman.com/bookshelf/the-world-is-flat>.

quốc gia phải chấp nhận mất đi một phần chủ quyền để tham gia vào các thể chế quốc tế để cùng hưởng những lợi ích chung. Thứ hai là có những vấn đề, trước giờ chỉ gói gọn trong khuôn khổ quốc gia, nay đã vượt biên giới trở thành xuyên quốc gia, khiến cho các quốc gia, bất kể là quốc gia giàu và mạnh nhất, cũng không thể tự giải quyết một mình. Chính vì thế, theo người viết, cần phải có một cái nhìn tổng quát hơn về mặt các chủ thể và vấn đề trong việc xác định khái niệm của thuật ngữ “an ninh phi truyền thống” này.

Chúng ta có thể làm một phép so sánh giữa “an ninh truyền thống” và “an ninh phi truyền thống” để hiểu rõ hơn về khái niệm này. Sự khác nhau nằm ở bốn điểm cơ bản. *Thứ nhất, đó chính là về thời điểm xuất hiện.* Như đã đề cập ở phần trên, do “an ninh truyền thống” là một phần của chủ nghĩa hiện thực nên nó xuất hiện cùng lúc với sự hình thành của các khái niệm về quốc gia – dân tộc. Ngược lại, chỉ từ sau khi Chiến Tranh Lạnh kết thúc, người ta mới bắt đầu chú ý đến vấn đề về “an ninh phi truyền thống”. *Thứ hai đó là nếu như khái niệm “an ninh truyền thống” bị ảnh hưởng nhiều của chủ nghĩa hiện thực thì khái niệm “an ninh phi truyền thống” là một sản phẩm của chủ nghĩa tự do và kiến tạo.* Nếu như chủ nghĩa hiện thực cho rằng an ninh chỉ đạt được khi các quốc gia không ngừng gia tăng sức mạnh về quân sự của mình thì chủ nghĩa tự do và kiến tạo cho rằng an ninh có được khi các vấn đề về an ninh con người được đảm bảo. *Thứ ba là nằm ở các lĩnh vực có liên quan.* Ở “an ninh truyền thống” đó là sự đe dọa về quân sự và bảo vệ quốc phòng cùng với những biện pháp an ninh mà chính phủ của mỗi quốc gia cần làm để đương đầu trước những nguy cơ đó. Ngược lại, đối với “an ninh phi truyền thống”, những mối đe dọa này không chỉ đến từ bên ngoài mà còn đến từ bên trong; không chỉ đến từ súng ống, đạn dược mà còn đến từ kinh tế, văn hóa, xã hội. *Cuối cùng chính là sự khác nhau về đối tượng.* An ninh truyền thống phần lớn là nhìn nhận khái niệm “an ninh” dưới cấp độ của quốc gia trong khi ở an ninh phi truyền thống bao gồm cả ba cấp độ: cá nhân, quốc gia và toàn cầu.

Tuy nhiên, trong thời đại toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế sâu rộng như hiện nay, các mối quan hệ, các lĩnh vực trong đời sống xã hội ngày càng gắn bó chặt chẽ với nhau,

thâm nhập, đan xen thậm chí tác động lên lẫn nhau đã khiến cho việc tách biệt hai khái niệm “an ninh truyền thống” và “an ninh phi truyền thống” chỉ còn mang tính chất tương đối. Trên thực tế vẫn luôn có sự chồng chất và đan xen giữa hai khái niệm này. Chẳng hạn, sự cạn kiệt, suy thoái nguồn tài nguyên thiên nhiên, nguồn nhiên liệu mà đặc biệt là dầu mỏ... đã dẫn đến các cuộc tranh đoạt về tài nguyên giữa các quốc gia mà trong đó, vũ lực đã được sử dụng như một công cụ để phân thắng bại. Vấn đề này sẽ được phân tích cụ thể hơn ở chương sau.

Tóm lại, **“an ninh phi truyền thống” là sản phẩm của quá trình toàn cầu hóa và sự phụ thuộc lẫn nhau.** Sự tác động của “an ninh phi truyền thống” được biểu hiện dưới nhiều cấp độ (cá nhân, quốc gia, toàn cầu) và bao quát hầu hết các khía cạnh của đời sống xã hội hiện đại. Quan trọng hơn hết, do toàn cầu hóa là một quá trình không có điểm kết thúc nên các vấn đề về an ninh phi truyền thống chắc chắn sẽ còn tiếp tục phát triển và giữ một vai trò quan trọng trong đời sống chính trị quốc tế hiện đại.

Toàn cầu hóa là một thuật ngữ được sử dụng rộng rãi từ những năm 80 của thế kỷ XX. Nó mô tả một mạng lưới các tác động lẫn nhau xuyên biên giới đang không ngừng lớn mạnh. Cho đến nay, do sự đa dạng về chủ thể và các vấn đề nên vẫn chưa có một sự thống nhất trong định nghĩa cho thuật ngữ này. Tuy nhiên, ta có thể thấy được ba đặc điểm lớn của toàn cầu hóa. Thứ nhất, đây là một quá trình không có điểm kết thúc. Chúng ta đang sống trong một kỷ nguyên toàn cầu hóa, nơi mà không gian toàn cầu, xu thế toàn cầu đang dần được hoàn thiện, sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia ngày càng tăng cao. Chính vì thế, chưa có một sự khẳng định nào cho rằng đâu sẽ là thời điểm kết thúc của quá trình này cũng như quá trình này sẽ đưa thế giới đi về đâu. Thứ hai, đó là do sự đa dạng về chủ thể nên toàn cầu hóa là một quá trình mang tính phức tạp và đa chiều. Thứ ba, do không cân bằng về tiến triển và ảnh hưởng của toàn cầu hóa, nên ảnh hưởng của nó đến mỗi quốc gia dân tộc cũng rất phức tạp.

Như vậy, có thể thấy qua những đặc điểm trên, toàn cầu hóa đã góp phần hình thành nên **đặc tính quốc tế - xuyên quốc gia của an ninh phi truyền thống.**

Hiện nay, để xét về ảnh hưởng của toàn cầu hóa, có rất nhiều quan điểm khác nhau như ủng hộ (globalist), hoài nghi (skeptical) hoặc chiết trung (transformationalist). Ngoài ra, ta còn có thể chia thành hai loại quan điểm: chủ nghĩa lạc quan và chủ nghĩa bi quan. Chủ nghĩa lạc quan cho rằng toàn cầu hóa là một quá trình không thể tránh khỏi trong sự tiến hóa của xã hội nhân loại, phá vỡ tình trạng đóng cửa, thúc đẩy giao lưu. Cùng lúc đó, những tiến bộ khoa học công nghệ đạt được sẽ tăng nhanh, góp phần đưa thế giới thoát khỏi nghèo đói và đưa con người có được tự do. Chủ nghĩa bi quan thì cho rằng toàn cầu hóa tuy có đem lại ích lợi, nhưng cũng đồng thời đem lại rất nhiều vấn đề, mà bất bình đẳng xã hội là một trong số đó. Sự bất bình đẳng này sẽ dẫn đến nghèo đói trên diện rộng và xuất hiện những hành vi “tây chay” xã hội. Theo quan điểm của người viết, do toàn cầu hóa là một quá trình phức tạp và đa chiều nên rất khó để xác định đó là quá trình tốt hay xấu. Vì vậy, khi nhìn nhận tác động của toàn cầu hóa lên bất cứ một vấn đề gì, cũng cần có một nhìn nhận tổng quát, không nên chỉ đơn thuần dựa vào một chủ nghĩa nào đơn thuần.

Tương tự như vậy, sự tác động của toàn cầu hóa lên khái niệm “an ninh phi truyền thống” cũng bao gồm hai mặt tốt xấu, thể hiện thông qua **sự đe dọa của nguy cơ rủi ro và tính không xác định với an ninh và sự uy hiếp an ninh do bất bình đẳng – kết quả của thị trường hóa sâu sắc.**

Thứ nhất, về **sự đe dọa của nguy cơ rủi ro cao và tính không xác định đối với an ninh.** Sự đe dọa này thể hiện rõ nhất qua những vấn đề về môi trường. Quá trình toàn cầu hóa cùng với công nghiệp hóa ngày càng lan rộng đã trực tiếp gây nên nhiều vấn đề về môi trường. Các vấn đề này mang tính không xác định, và cũng không thể tránh khỏi. Bất kể người đó là tỷ phú hay ăn mày cũng đều chịu tác động từ sự mất an ninh này. Tuy nhiên, nếu nhìn nhận theo hướng tích cực, đây cũng là động lực để thúc đẩy sự hợp tác giữa các cá nhân cũng như quốc gia. Con người dần hình thành nên một ý thức chung toàn cầu về vấn đề bảo vệ môi trường, các quốc gia cũng từ đó, có thể dẹp bỏ những bất đồng trong một số lĩnh vực nhất định, bắt tay cùng nhau tìm ra hướng giải quyết chung.

Vấn đề an ninh sinh thái ngày càng có vai trò quan trọng, lần ất an ninh quân và buộc mỗi quốc gia phải đem nó vào chiến lược an ninh quốc gia của mình. Sự đe dọa còn đến bởi sức mạnh không thể kiểm soát của thị trường tiền tệ toàn cầu. Dòng lưu thông về vốn, chứng khoán và hàng hóa hàng ngày hàng giờ vẫn luôn diễn ra trên khắp thế giới. Đó là những thứ mà không có một quốc gia nào có thể kiểm soát được. Do đó, nếu thị trường tiền tệ đột nhiên có cách nhìn bi quan đối với một quốc gia nào đó, có thể dẫn đến giá trị đồng tiền nước đó thụt giảm mạnh, hệ thống ngân hàng của nước đó sũng dờ chết dờ, các nhà đầu tư xuyên quốc gia sẽ đua nhau rút vốn. Điều này một mặt gây ra những bất ổn đối với đời sống kinh tế - xã hội trong quốc gia đó, mặt khác cũng kéo theo sự mất niềm tin trong đầu tư đối với khu vực, dẫn đến sự khủng hoảng về kinh tế khu vực, hoặc thậm chí có thể lan ra toàn cầu. Cuộc khủng hoảng tiền tệ ở Mexico vào năm 1994 và cơn bão tấp tiền tệ ở châu Á năm 1997 chính là những ví dụ rõ nét cho việc này.

Thứ hai, **sự uy hiếp an ninh do bất bình đẳng – kết quả của thị trường hóa sâu sắc**. Xu thế toàn cầu hóa của lực lượng thị trường làm cho thế giới vốn đã bất bình đẳng nghiêm trọng lại càng nghiêm trọng hơn nữa, làm cho sự ổn định và an ninh của nhiều nước trên thế giới bị uy hiếp. Do thực lực kinh tế và sức cạnh tranh tổng hợp của các quốc gia đang phát triển kém xa so với các quốc gia phát triển nên sự bất bình đẳng trong khả năng mở rộng thị trường là rất lớn. Quan trọng hơn, sự bất bình đẳng này sẽ tiếp tục kéo dài và phát triển do sự tận dụng về nguồn vốn, các quốc gia phát triển sẽ ngày càng phát triển hơn, các quốc gia đang phát triển sẽ ngày càng bị tụt hậu và đẩy lùi về phía sau. Tương tự như vậy đối với nội bộ của một đất nước, sự phân cực giàu nghèo sẽ diễn ra ngày càng sâu sắc. Điều này dẫn đến các vấn đề về đói nghèo, tệ nạn xã hội. Sự mở cửa của biên giới khiến cho các loại vũ khí sát thương được phổ biến trong phạm vi lớn khiến một số người mạo hiểm lao vào, hoạt động trong các tổ chức tội phạm hoặc khủng bố nhằm đối phó với áp lực về kinh tế. Một số khác lại sử dụng tôn giáo như một cách thức bảo vệ, dẫn đến các mâu thuẫn về tôn giáo xuyên quốc gia. Một số khác nữa thì lại di dân đến vùng đất khác, gây nên các vấn đề trong chính sách cho các nước gửi cũng như nước tiếp nhận.

Nói tóm lại, ta có thể thấy sự tác động của toàn cầu hóa lên khái niệm “an ninh phi truyền thống” theo hai chiều. Nó vừa là nguyên nhân phát sinh ra những nội hàm của “an ninh phi truyền thống” và cũng đồng thời là một chiếc cầu nối con người cũng như các quốc gia lại gần nhau hơn để cùng tìm ra một giải pháp cho các vấn đề đó.

Mặt khác, nếu như đối với “an ninh truyền thống”, chủ nghĩa hiện thực cho rằng mỗi quốc gia cần phải không ngừng gia tăng sức mạnh về quốc phòng, tạo ra sự cân bằng về quyền lực để có được an ninh thì đối với “an ninh phi truyền thống”, chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa kiến tạo lại có những cách thức hoàn toàn khác biệt. Chủ nghĩa tự do cho rằng cần phải tăng cường hợp tác, xây dựng thể chế quốc tế và luật pháp quốc tế. Chủ nghĩa kiến tạo thì cho rằng con người cao hơn quốc gia và định vị hành vi của quốc gia, chính vì thế, đảm bảo được an ninh của con người là quan trọng nhất. Tuy nhiên, cho dù là chủ nghĩa tự do hay kiến tạo thì tăng cường hợp tác, cùng nhau phối hợp hoạt động chung đang là xu thế và giải pháp quan trọng nhằm đối phó với vấn đề an ninh phi truyền thống hiện nay. Cụ thể có thể thấy ở khu vực Đông Nam Á, các nước ASEAN và các nước đối thoại đã xây dựng các chương trình và kế hoạch hợp tác cụ thể, tăng cường hợp tác song phương và đa phương trong nội khối, giữa các nước ASEAN và các nước bên ngoài để đối mặt với vấn đề “an ninh phi truyền thống” qua các chương trình như “Chiến lược hợp tác chống ma túy ASEAN năm 2000”, “Tuyên bố chung Bắc Kinh về hợp tác chống ma túy năm 2001”; "Tuyên bố ASEAN về hợp tác chống khủng bố"; “Tuyên bố chung ASEAN - Mỹ về hợp tác chống khủng bố” tháng 8-2002; “Tuyên bố chung ASEAN-EU về hợp tác chống khủng bố” tháng 1-2003; "Tuyên bố Ba-li II", tháng 10-2003 về xây dựng cộng đồng ASEAN; các kỳ họp của Diễn đàn an ninh khu vực - ASEAN (ARF)...

1.3 Quan điểm về đảm bảo an ninh của các trường phái lý luận chính trong quan hệ quốc tế

Mỗi một trường phái lý luận quan hệ quốc tế có quan điểm khác nhau về việc đảm bảo an ninh trong nền chính trị thế giới. Nhóm nghiên cứu đưa ra quan điểm của chủ

nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa kiến tạo và chủ nghĩa toàn cầu về đảm bảo an ninh như sau.

Đối với chủ nghĩa hiện thực kinh điển (chủ nghĩa hiện thực cũ), đảm bảo an ninh đồng nghĩa với quyền lực quốc gia hay nói cách khác nó đi tìm an ninh trong quyền lực quốc gia. Những người theo chủ nghĩa cho rằng an ninh quốc gia là làm sao quyền lực quốc gia vượt trội để ngăn chặn đe dọa và đảm bảo lợi ích của mình thông qua cưỡng buộc (coercion), ngăn chặn (deterrence), đánh phủ đầu (preemptive attack). Những học giả này cũng cho rằng an ninh quốc tế đơn giản chỉ là sự cân bằng quyền lực (tức là không cho nước khác có quyền lực mạnh hơn, vượt trội mình bằng cách thức như liên minh (ally), phòng thủ tập thể (collective defense) và an ninh chung (common security).

Đối với chủ nghĩa hiện thực mới, các học giả này nhấn mạnh việc đi tìm an ninh trong cơ cấu phân bố quyền lực của hệ thống quốc tế. Họ quan niệm cơ cấu phân bố quyền lực của hệ thống quốc tế là yếu tố góp phần bảo đảm an ninh. Do đó những hệ thống quốc tế khác nhau có khả năng bảo vệ an ninh khác nhau. Thứ nhất, Hệ thống quốc tế (HTQT) đơn cực (unipolar system)/bá chủ (hegemony). Trong hệ thống này nước bá chủ thực hiện vài chức năng như một chính phủ thế giới do đó giúp làm giảm tình trạng vô chính phủ trong quan hệ quốc tế. Thêm vào đó nước bá chủ có khả năng áp chế và can thiệp vào xung đột giảm bớt xung đột và chiến tranh. Ngoài ra, nước bá chủ tạo ra và thực thi luật pháp chung làm tăng khả năng giải quyết xung đột và tranh chấp. Ví dụ như nước Mỹ sau sự sụp đổ của Liên Xô là siêu cường duy nhất trên thế giới, đóng vai trò bá chủ thế giới. Thứ hai, HTQT hai cực (bipolar system). Hệ thống này tránh được sự độc quyền chuyên chế hạn chế mâu thuẫn từ sự lạm dụng quyền lực. Bên cạnh đó sự kiềm chế lẫn nhau giữa hai cực cũng tạo ra hoà bình cho hệ thống. Cùng với nó các cực cố gắng giữ ổn định trong phe giúp tạo sự ổn định của toàn hệ thống. Ví dụ như hệ thống 2 cực trong Chiến Tranh Lạnh giữa hai phe TBCN (do Mỹ đứng đầu) và XHCN (do Liên Bang Xô Viết đứng đầu). Thứ ba, HTQT đa cực (multipolar system), hệ thống này cho

thấy khả năng kiềm chế lẫn nhau cao hơn giữa nhiều cường quốc trên thế giới. Cân bằng lực lượng linh hoạt và dễ đạt được bởi sự thay đổi liên minh hay vai trò của người cân bằng (balancer).

Đối với chủ nghĩa tự do quốc tế (liberalism) theo quan điểm của E. Kant, an ninh chính là sự tự do của nhân dân. Ông lập luận rằng sự tự do làm bộc lộ lòng yêu hoà bình của nhân dân và dần dần hình thành ý nguyện hoà bình của quốc gia. Từ cơ sở là những quốc gia yêu hoà bình thì nền hoà bình của cộng đồng quốc tế được thiết lập. Và do đó an ninh được đảm bảo. Dân chủ, cộng hòa, tự do thương mại là cơ sở để đảm bảo an ninh

Đối với những người theo chủ nghĩa lý tưởng (idealism), đạo đức và các tổ chức toàn cầu chính là điều kiện cơ bản của an ninh. Đạo đức sẽ hạn chế bạo lực và xâm phạm nếu như mỗi người, mỗi quốc gia xem xét hành vi của mình trong quan hệ quốc tế theo lăng kính đạo đức. Ngoài ra, các tổ chức toàn cầu giúp hạn chế vô chính phủ và can thiệp bảo đảm hoà bình bằng an ninh tập thể. Với những luật lệ và quy định do mình đề ra, các tổ chức toàn cầu là những chính thể quốc tế có tiếng nói và có khả năng điều chỉnh quan hệ giữa các quốc gia.

Đối với chủ nghĩa tự do mới (neo-liberalism), họ nhấn mạnh sự đa nguyên về chủ thể (pluralism – chủ thể quốc gia, phi quốc gia), sự đa dạng vấn đề (global governance - quyền lực, kinh tế, những vấn đề toàn cầu,...), hợp tác và hội nhập (transnationalism - tạo sự phụ thuộc lẫn nhau), dân chủ và thị trường (liberalism - ý nguyện hoà bình, lợi ích phát triển, giá trị chung), xây dựng thể chế (functionalism - thể chế hợp tác). Tất cả những điều đó đều giúp tăng cường an ninh.

Đối với chủ nghĩa kiến tạo (constructivism), họ nhấn mạnh an ninh con người (human security). An ninh con người là sự không bị sợ hãi của cá nhân con người tức là đạt được các điều mong muốn và sự an toàn tương lai. Cơ sở lý luận của chủ nghĩa kiến tạo là con người cao hơn quốc gia do đó an ninh con người quan trọng hơn an ninh quốc gia. Con người mà đặc biệt là giới tinh hoa (elite) định hình hành vi quốc gia. Và bảo

đảm an ninh con người chính là bảo đảm an ninh chung. Theo UNDP (1994), an ninh con người bao gồm 7 vấn đề được hiểu hết sức cơ bản như sau. An ninh kinh tế: đảm bảo thu nhập, việc làm, điều kiện kinh tế. An ninh lương thực: khả năng tiếp cận lương thực. An ninh sức khoẻ: tiếp cận thuốc men, dịch vụ y tế, điều kiện vệ sinh. An ninh môi trường: đảm bảo phát triển bền vững. An ninh cá nhân: an toàn không bị đe dọa bạo lực, tội phạm, chiến tranh và đối xử tồi tệ. An ninh cộng đồng: bảo vệ nhóm cộng đồng như gia đình, sắc tộc. An ninh chính trị: nhân quyền, quyền chính trị.

Ngoài ra còn có một số các quan điểm của những người theo chủ nghĩa toàn cầu, các học giả này quan niệm thế giới chia rẽ thành các quốc gia và vô chính phủ là nguyên nhân mất an ninh. Chính vì vậy cần xoá bỏ quốc gia và xây dựng một chính phủ trên quốc gia hay một chính phủ toàn cầu.

Sự khác nhau giữa những trường phái lý luận khác nhau về đảm bảo an ninh có thể thể hiện ở bảng sau.

HIỆN THỰC	HIỆN THỰC MỚI	TỰ DO QUỐC TẾ	LÝ TƯỞNG	TỰ DO MỚI	KIẾN TẠO	TOÀN CẦU
Quyền lực quốc gia	Cơ cấu quyền lực của hệ thống quốc tế	Tự do nhân dân	đạo đức & tổ chức quốc tế	chủ thể, hợp tác, dân chủ, thể chế	An ninh con người	Xoá bỏ quốc gia

Bảng 1: Tổng kết quan niệm đảm bảo an ninh của các trường phái lý luận chính trong quan hệ quốc tế

Tóm lại an ninh là một khái niệm cơ bản và quan trọng trong nhiều ngành khoa học trong đó có khoa học chính trị. Đối với quan hệ quốc tế, an ninh đóng vai trò cực kỳ quan trọng bởi thứ nhất, nó chi phối sự hình thành, tồn tại và phát triển của quốc gia - chủ thể cơ bản nhất của quan hệ quốc tế. Thứ hai, nó chi phối chính sách đối nội và đối ngoại của quốc gia liên quan đến việc bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia. Thứ ba, nó chi phối môi trường quốc tế và thế giới liên quan đến các vấn đề an ninh chung và an ninh quốc tế. Cuối cùng, nó chi phối con người, là sự bận tâm thường xuyên, sự mở rộng vấn đề an ninh con người ra quan hệ quốc tế. Hiểu rõ khái niệm, cách phân loại và quan điểm của các trường phái lý luận chính trong quan hệ quốc tế về an ninh là cơ sở quan trọng để lý giải và hiểu các vấn đề ở những chương tiếp theo.

CHƯƠNG II: AN NINH TỰ NHIÊN

Trong thế kỷ XXI, sự xuất hiện của quá trình toàn cầu hóa đã tác động mạnh mẽ lên các quan điểm về “an ninh” từ trước đến nay. Các vấn đề về “an ninh phi truyền thống” xuất hiện ngày càng nhiều mà trong đó nổi bật là sự xung đột về nguồn tài nguyên thiên nhiên giữa các quốc gia. An ninh của một quốc gia dựa trên nguồn tài nguyên thiên nhiên (hay an ninh tự nhiên) là gì, nó bắt đầu từ đâu và nội hàm của nó bao gồm những gì sẽ là ba câu hỏi mà toàn bộ chương này cố gắng giải đáp.

2.1 Nguồn gốc khái niệm An ninh Tự nhiên

Thế kỷ XXI được đánh giá như một kỷ nguyên của toàn cầu hóa. Kể từ sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, hệ thống hai cực tan rã, sự uy hiếp của chiến tranh hạt nhân và chạy đua vũ trang dần bị đẩy lùi, thay vào đó là sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin, sự tự do hóa về thương mại và sự ảnh hưởng ngày càng lớn của các công ty đa quốc gia đã đem lại nhiều màu sắc mới cho nền chính trị quốc tế. Trong bối cảnh đó, sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, đặc biệt là sự phụ thuộc về kinh tế là một điều hoàn toàn tất yếu và không thể tránh khỏi. Toàn cầu hóa giống như một trò chơi mà trong đó các người chơi, các chủ thể quan hệ quốc tế (quốc gia) nếu muốn phát triển thì buộc phải tham gia. Điều này đã khiến không ít người phải nhìn nhận lại về khái niệm “an ninh”. Khi sự bùng nổ dân số thế giới đang ở mức báo động, bệnh dịch, nghèo đói cùng

với sự nổi lên hàng loạt của các vấn đề toàn cầu khác thì liệu “an ninh” của một quốc gia bây giờ có còn đơn thuần dựa trên những yếu tố truyền thống hay không? Để trả lời cho câu hỏi đó, nhiều nhà nghiên cứu đã xem xét đến yếu tố nguồn tài nguyên thiên nhiên. Ta có thể thấy được sự liên hệ mật thiết giữa an ninh và nguồn tài nguyên đang dần cạn kiệt này của con người: nhu cầu sử dụng tài nguyên của con người ngày càng gia tăng trong khi nguồn tài nguyên thiên nhiên đang dần cạn kiệt, nhu cầu của cá nhân không được đảm bảo sẽ dẫn đến an ninh quốc gia bị đe dọa.

Có thể dễ dàng thấy được tài nguyên thiên nhiên từ lâu trong lịch sử đã là một nguồn gây xung đột giữa các quốc gia, từ những cuộc săn tìm trà, thuốc lá, gia vị, vàng, dầu mỏ... giữa các đế quốc Anh, Tây Ban Nha, Hà Lan ở thế kỷ XVI cho đến những cuộc chiến tranh gần đây trong thập kỷ đầu của thế kỷ XXI như chiến tranh Afghanistan (2001), chiến tranh Iraq (2004)... Tuy nhiên, thuật ngữ “an ninh tự nhiên” (natural security) lần đầu tiên chính thức được nhắc đến bởi Hal Harvey, trong bài viết “*An ninh Tự nhiên: Để tránh Chiến tranh, Cần những Chính sách Mới để Quản lý những Nguồn Tài nguyên của Trái đất*” trên tạp chí Nuclear Times vào năm 1988. Trong bài viết, Harvey đã không đi vào phân tích khái niệm “an ninh tự nhiên” mà đi vào phân tích bốn khía cạnh có liên quan, từ đó chỉ ra vai trò của “an ninh tự nhiên” đối với an ninh của một quốc gia. Ở khía cạnh thứ nhất, “*cạnh tranh và xung đột*”, Harvey khẳng định những ghi chép lịch sử đã chứng minh các nhà nước đã vươn đến đỉnh cao thành các đế chế và gây ra những xung đột trong “*công cuộc tìm kiếm trà, thuốc lá, dược liệu, vàng, dầu, photphat, khoáng sản và thậm chí là cá (thủy sản)*”. Khía cạnh thứ hai Harvey đề cập đến, “*môi trường và sự xuống cấp môi trường*”, bao gồm các ví dụ về những tranh luận trong quan hệ quốc tế xung quanh sự ô nhiễm môi trường, mưa acid và bệnh dịch bùng phát sau thảm họa nguyên tử Chernobyl (Liên Xô cũ). “*Điểm yếu và an ninh*”, khía cạnh thứ ba, bao gồm những minh chứng lịch sử về cơ sở hạ tầng, tài nguyên được xem như những mục tiêu, điểm yếu và những dự báo từ thực tế diễn ra trong những năm trước đây tại thời điểm đó. Những dự báo này được nhiều học giả tập trung nghiên cứu về điểm yếu trong hệ thống điện lưới của Mỹ đối với những hành động phá hoại và thảm họa tự nhiên. Ở

khía cạnh thứ tư, *năng lượng và kinh tế học*, Harvey cho rằng những chính sách về năng lượng và tài nguyên không hiệu quả ở Mỹ cũng như ở nước ngoài có thể làm suy giảm sự tăng trưởng của nền kinh tế quốc gia và làm mất ổn định quốc gia.⁹

Kể từ sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, cùng với sự nổi lên của các khái niệm về an ninh phi truyền thống, an ninh tự nhiên lại một lần nữa được chú ý đến, đặc biệt là từ các học giả và quan chức chính phủ của Mỹ. Thomas Pickering, sau này là đại sứ của Liên Hiệp Quốc, đã cảnh báo vào năm 1989 rằng “những xung đột môi trường” (eco-conflict) có thể sẽ trở thành một vấn đề chính trong căng thẳng Bắc-Nam. Hay như James Baker, thư ký Liên Bang, đã từng ghi nhận rằng “Những khái niệm truyền thống về tất cả những gì tạo thành một mối hiểm họa đến an ninh quốc gia và toàn cầu cần phải được cập nhật và mở rộng đến những vấn đề khác như sự suy thoái môi trường, buôn bán ma túy và nạn khủng bố”¹⁰. Từ những điều này đã tạo nên một sự liên kết giữa vấn đề môi trường và an ninh quốc gia. Trong bộ máy của các Tổng thống Mỹ sau đó như Bill Clinton, George W. Bush cũng đã nêu những vấn đề về môi trường, sự gia tăng dân số... như những mối đe dọa đến sự ổn định chính trị của các quốc gia cũng như an ninh của chính nước Mỹ¹¹.

Năm 2008, Trung tâm An ninh Hoa Kỳ Mới (Center for New American Security – CNSA) đã cho ra mắt chương trình “An ninh tự nhiên” (Natural Security Program) nhằm nghiên cứu về an ninh quốc gia và chính sách đối ngoại liên quan đến năng lượng và thay đổi khí hậu. Trong đó, khái niệm “an ninh tự nhiên” đã được định nghĩa theo hướng có quan hệ mật thiết với khái niệm “an ninh môi trường” (environment security). Các công trình nghiên cứu của CNSA về vấn đề năng lượng, thay đổi khí hậu vẫn còn tiếp tục cho đến nay và đã giúp đưa ra những quan điểm chính thức về “an ninh tự nhiên”. Nghiên

⁹ The Center for a New American Security (CNAS), *Reading old magazines: Natural Security*, truy cập tại địa chỉ <http://www.cnas.org/blogs/naturalsecurity/2009/06/reading-old-magazines-natural-security.html>.

¹⁰ Secretary of State James Baker (1990), *Prepared statement before the Senate Foreign Relations Committee*, Department of State Dispatch.

¹¹ The White House (1996), *A National Security Strategy of Engagement and Enlargement: preface/ Collin Powell, Remarks at State Conference*, Meridian International Center.

cứu về an ninh tự nhiên của CNAS được xuất bản trong một tổng hợp nghiên cứu về vấn đề này vào năm 2009 do bà Sharon Burke¹² đứng tên.

Bên cạnh đó, cũng có một số sách, bài viết nói về vấn đề này, đơn cử như cuốn “*An ninh tự nhiên: Cách tiếp cận của Darwin đối với một thế giới nguy hiểm*”¹³ biên soạn bởi Raphael D. Sagarin và Terence Taylor xuất bản năm 2008. Cuốn sách đã đưa ra một khía cạnh mới của an ninh tự nhiên thông qua việc so sánh hệ thống phòng thủ của quốc gia với hệ thống tự bảo vệ của các sinh vật trong tự nhiên. Tuy nhiên, cũng cần phải lưu ý rằng cho đến nay, vẫn chưa có một công trình nào nêu rõ khái niệm an ninh tự nhiên là gì mà chỉ đưa ra các khía cạnh, từ đó xem xét quá trình tác động của nó đến an ninh quốc gia mà thôi.

Như vậy, “an ninh tự nhiên” là một khái niệm mới được phát triển trong khoảng 20 năm trở lại đây. Như đã đề cập ở trên, hiện giờ vẫn chưa có một khái niệm chính xác cũng như vẫn có nhiều cách tiếp cận khác nhau đối với vấn đề này, vì thế, nhóm tác giả chọn nghiên cứu dựa trên những quan điểm của CNSA, cũng là quan điểm gần với Hal Harvey nhất. Trong đó, mối liên quan giữa an ninh quốc gia và tài nguyên thiên nhiên được xác định trên hai phương diện đó là khả năng tiêu thụ và tiếp cận các nguồn tài nguyên thiên nhiên của các quốc gia và hậu quả của sự tiêu thụ đó.

2.2 Khái niệm An ninh Tự nhiên

Vào thế kỉ 21, an ninh của các quốc gia ngày càng phụ thuộc vào sự đảm bảo an ninh các nguồn tài nguyên thiên nhiên, hay "an ninh tự nhiên". Sự đảm bảo "an ninh tự nhiên" đang đóng vai trò ngày càng quan trọng trong an ninh quốc gia khi các nước ngày càng phụ thuộc vào nguồn nước, đất canh tác, đa dạng sinh học, năng lượng, khoáng sản, các nguồn tài nguyên để đáp ứng cho nhu cầu đang liên tục gia tăng của dân số thế giới.

¹² Bà Sharon Burke hiện là Trợ lý Bộ Trưởng Quốc Phòng cho các Chương trình và Kế hoạch về Năng lượng Vận hành, Bộ Quốc Phòng – Chính phủ Mỹ. Trước khi làm việc tại Bộ Quốc Phòng, Bà Burke là Phó Chủ tịch và Thành Viên Cao Cấp tại Trung tâm nghiên cứu An ninh Mới của Mỹ (The Center for New American Security – CNAS). Đây là cơ quan phi đảng phái và độc lập chuyên cố vấn về các chính sách quốc phòng của Mỹ.

¹³Raphael D. Sagarin, Terence Taylor (2008), *Natural Security: The Darwinian Approach to a dangerous world*, University of California Press.

Đồng thời việc tăng mức tiêu thụ các nguồn tài nguyên này cũng dẫn đến các hậu quả như sự biến đổi khí hậu, mất đa dạng sinh học. Các vấn đề này sẽ đe dọa đến an ninh của các quốc gia. *An ninh tự nhiên có thể được hiểu là sự đảm bảo các nguồn cung tài nguyên thiên nhiên bền vững, đầy đủ và hợp lý cho nền kinh tế toàn cầu.*¹⁴

Mặc dù vấn đề an ninh tự nhiên ít được xem xét nhiều trong an ninh truyền thống, các vấn đề xung quanh các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nguồn nước, rừng, đa dạng sinh học, thay đổi khí hậu đang đóng một vai trò quan trọng trong công nghiệp và quốc phòng.

Sự kết thúc Chiến tranh lạnh đã gây ra các cuộc tranh luận về việc liệu an ninh tự nhiên có phải là một yếu tố quan trọng của an ninh quốc gia hay không. Biến đổi khí hậu là một ví dụ, đây không phải là mối đe dọa mà một người lính có thể tấn công hay tiêu diệt nhưng nó có thể gây ảnh hưởng đến sự an toàn và thịnh vượng của một quốc gia thông qua sự ảnh hưởng của nó lên sự ổn định toàn cầu và môi trường địa phương của từng nước. Thêm nữa, khi một nguồn cá bị cạn kiệt, con người sẽ di chuyển đến khu vực khác để đánh bắt. Bản thân việc di chuyển này không phải là một vấn đề nghiêm trọng tuy nhiên nó lại có thể vô tình tạo ra sự căng thẳng trong tương tác xã hội, môi trường, chính trị.

Tài nguyên thiên nhiên góp phần trực tiếp vào phát triển kinh tế và sự ổn định của một quốc gia. Hiện nay trên thế giới, hàng trăm triệu người đang sống phụ thuộc trực tiếp vào nông nghiệp, đánh bắt cá, các nguồn tài nguyên.

Trừ một số trường hợp ngoại lệ, các nguồn tài nguyên có thể tái tạo được đã là một nguồn cung cấp liên tục cho con người trong suốt quá trình lịch sử. Tuy nhiên hiện nay, các nguồn tài nguyên này đang cạn kiệt nhanh hơn tốc độ mà thiên nhiên có thể tái tạo chúng. Việc các lưu vực sông bị phá hủy, hay thủy hải sản bị đánh bắt quá mức, rừng trọc và đất bị xói mòn đang diễn ra với tốc độ rất nhanh trên thế giới khiến tự nhiên không thể đáp ứng kịp. Các nguồn tài nguyên cùng tồn tại trong một hệ sinh thái mà

¹⁴ Sharon Burke 2009, trang 9

trong đó chúng có mối quan hệ rất chặt chẽ với nhau. Do vậy sự mất mát một nguồn tài nguyên này có thể gây ảnh hưởng đến các nguồn tài nguyên khác.

Việc bảo đảm sự ổn định và bền vững tài nguyên thiên nhiên đem lại lợi ích cho cộng đồng quốc tế. Không phải tất cả các nguồn tài nguyên thiên nhiên đều dẫn đến an ninh quốc gia tuy nhiên có thể nói tài nguyên thiên nhiên có mối quan hệ tương đối chặt chẽ với sự ổn định an ninh và chính trị.

Xét về ảnh hưởng của An ninh tự nhiên, trước hết, các nước tiêu thụ nguồn nhập khẩu tài nguyên thiên nhiên sẽ bị tổn thương khi nguồn cung này bị gián đoạn. Chẳng hạn như Cấm vận dầu mỏ Arab năm 1973, các động cơ chính trị và địa chiến lược của các nhà cung cấp có thể trở thành một vấn đề quan trọng. Trong trường hợp khác, quốc gia với nguồn cung cấp phong phú có thể gây ảnh hưởng tác động lên các quốc gia khác, các quốc gia cung cấp tài nguyên có thể sẽ sử dụng thế mạnh của mình để đe dọa các quốc gia khác khi xảy ra căng thẳng hoặc xung đột. Ngoài ra, các quốc gia còn đang cạnh tranh các nguồn tài nguyên chiến lược, Các nước lớn cạnh tranh và tranh giành ảnh hưởng để chi phối, kiểm soát các nguồn tài nguyên thiết yếu của thế giới, đặc biệt là vào thời điểm các nguồn tài nguyên này đang bị tổn hại. Điều này có khả năng trực tiếp dẫn đến xung đột giữa các quốc gia.

Có thể xem xét hai phương diện của an ninh tự nhiên: **tiêu thụ** và **hậu quả**. Tiêu thụ tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là năng lượng, nhiên liệu khoáng sản, đất và nước có thể ảnh hưởng đến địa chính trị và sự ổn định của các quốc gia. Đồng thời, hậu quả của việc tiêu thụ cao các nguồn tài nguyên này, như là sự biến đổi khí hậu, mất đa dạng sinh học cũng có thể tạo áp lực về địa chính trị, sự bất ổn và thiên tai lên các quốc gia.

Nhìn chung, lĩnh vực an ninh tự nhiên là một lĩnh vực có tiềm năng. Bảo đảm an ninh tự nhiên là một trong những công cụ thúc đẩy an ninh, ổn định và phát triển

2.3 Các vấn đề nội hàm của an ninh tự nhiên

2.3.1 Tiêu thụ

2.3.1.1 Năng lượng

Với hơn 80 phần trăm dân số trên thế giới phụ thuộc vào dầu, than đá, khí tự nhiên nhiên liệu, ánh sáng, sưởi ấm, các ngành công nghiệp và nông nghiệp, năng lượng là thực sự cần thiết cho tất cả các khía cạnh của đời sống con người.¹⁵ Việc cả thế giới ngày càng phụ thuộc vào các nguồn năng lượng này đồng nghĩa với việc tỷ lệ tiêu thụ các nguồn năng lượng này luôn ở mức cao và sẽ ngày càng tăng cao trong tương lai.

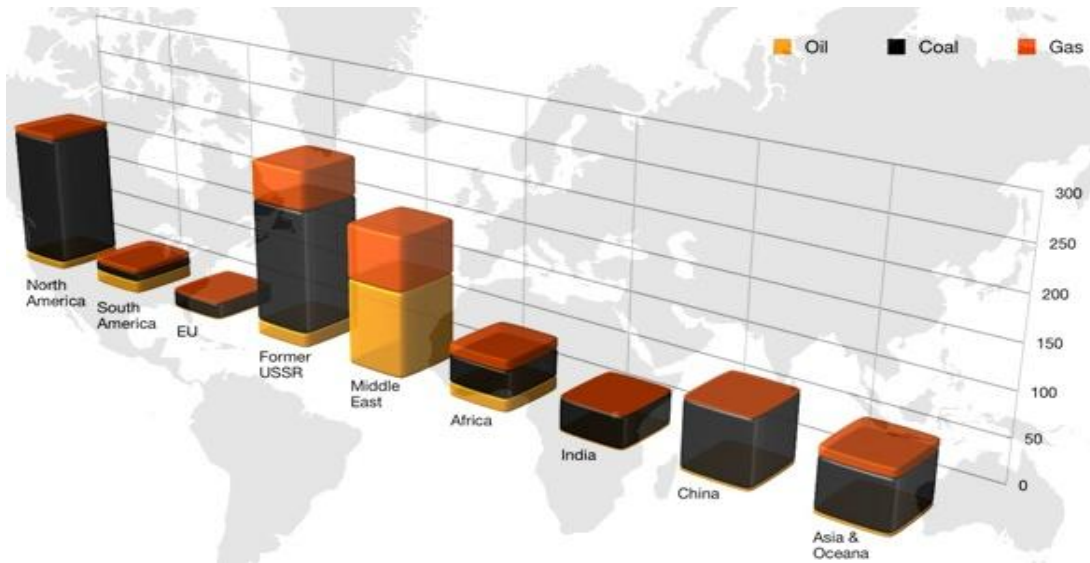
Chính sự phụ thuộc toàn cầu vào nhiên liệu và mức độ của nguồn cung cấp trong một số quốc gia có giới hạn về năng lượng đã tạo ra các vấn đề cấp thiết về an ninh quốc gia, và những tài nguyên này có một mối liên kết chặt chẽ đến áp lực địa chiến lược, bất ổn, khả năng bị tổn thương và bao gồm cả sức mạnh quân sự.

Hiện tại, có gần 50% mức tiêu thụ năng lượng toàn cầu chỉ nằm trong tay 15% dân số thế giới¹⁶. Sự bất công đó không chỉ dừng lại ở mức tiêu thụ năng lượng mà còn ở sự phân bố năng lượng không đồng đều. Những căng thẳng địa chính trị xuất phát từ sự phân bố không đồng đều các trữ lượng năng lượng trên thế giới, nhất là dầu hỏa và khí thiên nhiên. Có thể thấy chỉ riêng vùng Trung Đông đã chiếm 63,3% trữ lượng dầu mỏ và 40,8% trữ lượng khí thiên nhiên trên thế giới. Riêng vùng Đông Âu mà chủ yếu là Nga đã có trữ lượng khí thiên nhiên chiếm 1/3 trữ lượng toàn thế giới. Ngược lại, ba trung tâm tiêu thụ năng lượng lớn nhất thế giới là Châu Á, Bắc Mỹ và Tây Âu lại là những nơi có trữ lượng dầu mỏ thấp nhất.¹⁷

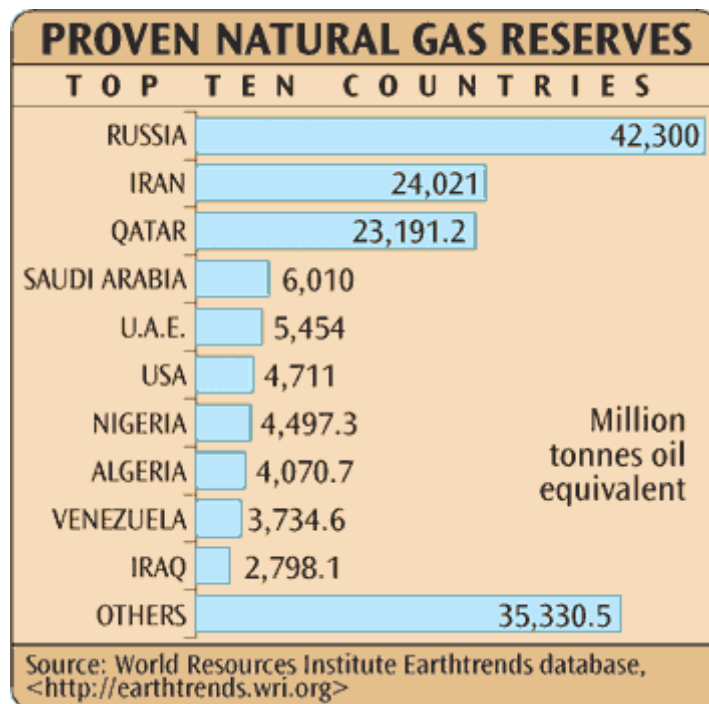
¹⁵ Christine Parthemore, T. J. (2011). *Fueling the Future Force: Preparing the Department of Defense for a Post-Petroleum Era*. Center for a New American Security, Washington DC, tr. 5

¹⁶ Ludovic Mons. (2008). *Vấn đề năng lượng: Dầu hỏa, hạt nhân và sau đó là gì?* NXB Trẻ. TP. Hồ Chí Minh. Tr.62

¹⁷ Ludovic Mons. (2008). *Vấn đề năng lượng: Dầu hỏa, hạt nhân và sau đó là gì?* NXB Trẻ. TP. Hồ Chí Minh. tr.63



Biểu đồ 1: Biểu đồ phân bố trữ lượng các loại năng lượng trên thế giới
(nguồn: <http://www.worldcoal.org>)

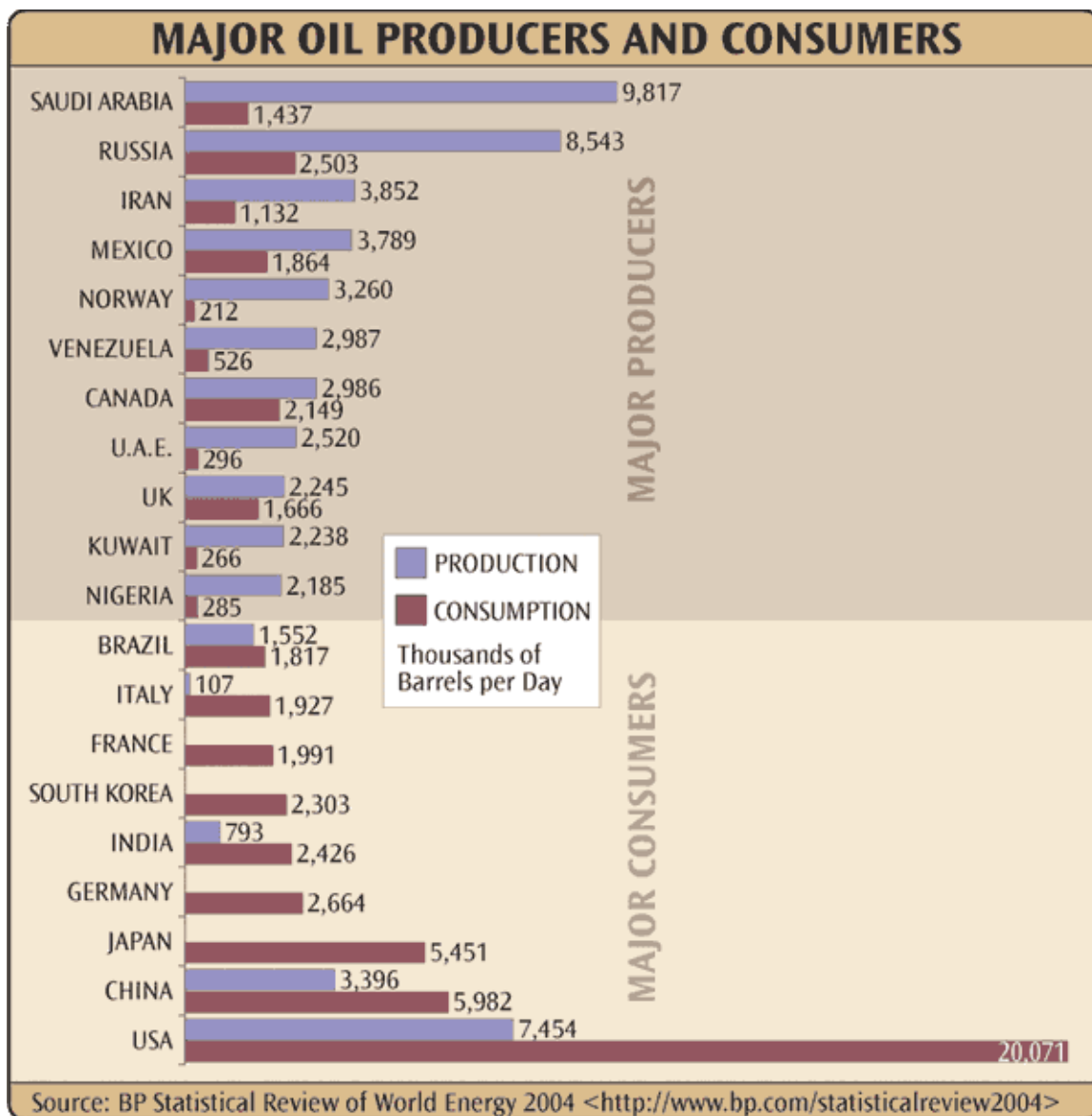


Biểu đồ 2: Trữ lượng khí tự nhiên toàn cầu
(nguồn: <http://www.worldcoal.org>)

Có thể nói các quốc gia sản xuất và tiêu thụ dầu hỏa phụ thuộc lẫn nhau. Năm 2003, Trung Đông sản xuất 1093,7 triệu tấn dầu hỏa (30% mức sản xuất toàn cầu) trong đó xuất khẩu 940 triệu tấn, chiếm 42% mậu dịch quốc tế. Châu Âu nhập khẩu 21,5% lượng dầu tiêu thụ từ Trung Đông và Mỹ nhập 14%. 80% lượng dầu của Nhật bản và 64% lượng dầu của Trung Quốc cũng nhập từ Trung Đông¹⁸. Vùng này càng ngày càng đóng vai trò quan trọng trên thế giới trong việc cung cấp dầu mỏ vì mức gia tăng nhu cầu và mức sản xuất thấp do đã cạn nguồn dầu mỏ ở các quốc gia lớn với mức tiêu thụ cao. Mỹ và Trung Quốc là hai ví dụ điển hình.

Ví dụ, trong cuộc chiến tranh Yom Kippur năm 1973, khi các quốc gia Arab xâm chiếm Israel và mối lo ngại về sự can thiệp quân sự của phương Tây cũng như từ Mỹ đã đưa đến hành động quyết định đơn phương tăng giá dầu 70% của các quốc gia Arab trong OPEC. Đó là lần đầu tiên giá cả không được thương lượng giữa các quốc gia sản xuất và các tập đoàn phương Tây. Tiếp theo biện pháp ấy, các quốc gia này hạn chế sản xuất và đưa ra lệnh cấm vận đối với quốc gia nào ủng hộ Israel, trong vài tuần, giá dầu mỏ tăng từ 3 USD lên 12 USD một thùng...Tạo ra cuộc khủng hoảng dầu mỏ lớn nhất từ trước đến nay. Không dừng lại ở đó, khủng hoảng dầu mỏ đã tạo ra thay đổi lớn trong chính sách của phương Tây, trong đó chú trọng tìm kiếm và bảo tồn năng lượng tự nhiên, cũng như đặt ra các quy định tiền tệ chặt chẽ hơn để chống lạm phát. Trái lại, biến cố trên góp phần thay đổi đáng kể vị thế chính trị, kinh tế của các nước xuất khẩu dầu, đặc biệt các quốc gia Arab tại khu vực Trung Đông.

¹⁸ Ludovic Mons. (2008). *Ván cờ năng lượng: Dầu hỏa, hạt nhân và sau đó là gì?* NXB Trẻ. TP. Hồ Chí Minh. Tr. 65-66



Biểu đồ 3: Các quốc gia sản xuất và tiêu thụ dầu hỏa nhiều nhất

(Nguồn: <http://www.theglobaleducationproject.org>)

Ngược lại, các quốc gia sản xuất dầu mỏ cũng phải lệ thuộc vào nền kinh tế của các quốc gia tiêu thụ. Các quốc gia Trung Đông, Châu Mỹ Latin và Châu Phi sẽ phải lệ thuộc vào nền kinh tế của các nước Châu Âu cũng như Bắc Mỹ trong nhiều lĩnh vực. Trước hết là về kinh tế, vì lợi nhuận từ buôn bán dầu mỏ là nguồn thu chủ yếu trong nền kinh tế của các nước này (thu nhập từ dầu hỏa chiếm 75% ngân sách của Ả Rập và 50%

ngân sách của Iran) sự giảm giá hay giảm sản xuất kéo dài sẽ gây ra ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế của các nước xuất khẩu dầu mỏ còn nghèo như Nigeria và Venezuela. Bên cạnh đó còn là sự lệ thuộc về tài chính của việc tái đầu tư vào nền kinh tế các nước phương Tây. Các nước Trung Đông đã đầu tư 800 tỉ USD vào bất động sản, cổ phần và các khoản vay quốc gia. Lợi nhuận của những tích sản này liên quan mật thiết đến sự phát triển của các nền kinh tế phương Tây mà bản thân các nền kinh tế đó cũng phụ thuộc vào giá dầu mỏ. Vì vậy, việc bảo đảm cho nguồn cung năng lượng hiện nay là một vấn đề sống còn đến an ninh quốc gia. Chính vì điều đó, nhiều quốc gia bị lệ thuộc quân sự như trong cuộc chiến tranh vùng Vịnh lần thứ nhất. Liên minh quốc tế, đứng đầu là Mỹ, đã đưa quân vào vùng Vịnh sau khi Iraq xâm chiếm Kuwait và từ đó quân đội Mỹ luôn có mặt ở khu vực này (sau này là Afghanistan và Iraq), về một khía cạnh nào đó, là để kiểm soát nguồn cung dầu mỏ của mình.

Tóm lại, chính sự phụ thuộc quá lớn của con người vào năng lượng (đa số là dầu mỏ) hiện nay đã tạo ra sự phụ thuộc chặt chẽ lẫn nhau giữa các quốc gia trên thế giới. Cùng với nhu cầu bảo đảm cho nguồn cung năng lượng của mình đã tạo ra ảnh hưởng rất nhiều đến nền địa chính trị toàn cầu, các phương thức ảnh hưởng đến quốc gia khác hoặc bảo vệ cho nền an ninh quốc gia của chính mình.

2.3.1.2 Khoáng sản

Khoáng sản là tài nguyên trong lòng đất, trên mặt đất dưới dạng những tích tụ tự nhiên khoáng vật, khoáng chất có ích ở thể rắn, thể lỏng, thể khí, hiện tại hoặc sau này có thể được khai thác. Khoáng vật, khoáng chất ở bãi thải của mỏ mà sau này có thể được khai thác lại, cũng là khoáng sản. Khoáng sản là tài nguyên hầu hết không tái tạo được, là tài sản quan trọng của quốc gia¹⁹.

Có thể nói, vị trí địa lý của các nguồn tài nguyên khoáng sản không thay đổi qua hàng triệu năm do thành phần vỏ trái đất không có những thay đổi đáng kể trong khoảng thời gian có sự xuất hiện của con người. Nhưng những hiểu biết của chúng ta về địa chất lại

¹⁹ Bách khoa toàn thư Việt Nam truy cập tại địa chỉ <http://dictionary.bachkhoatoanthu.gov.vn>

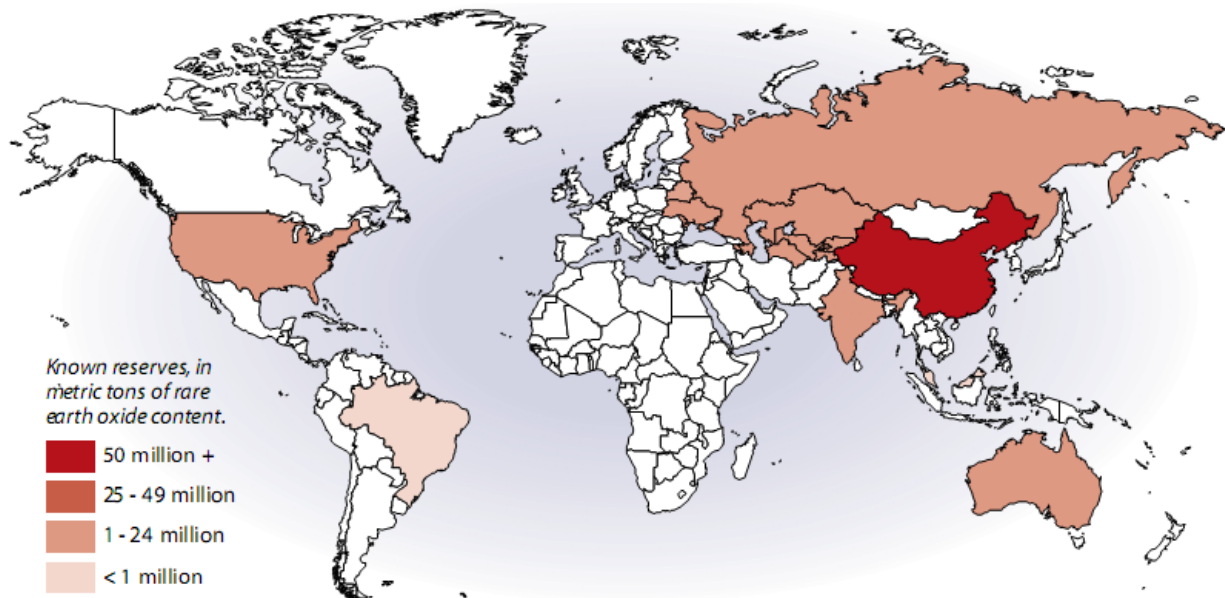
thay đổi một cách rõ rệt ảnh hưởng nhiều đến các dự toán và khả năng khai thác của con người.²⁰ Tương tự như năng lượng, khoáng sản cũng có vai trò cực kì to lớn trong mọi hoạt động của con người đặc biệt là nhiều ngành công nghiệp. Chúng ta bắt gặp tất cả mọi thứ phục vụ cho đời sống của con người từ những vi mạch tinh vi nhất đến những thứ to lớn hơn như các bộ phận của máy bay, tàu vũ trụ đều được chế tạo bởi nhiều loại khoáng sản. Khoáng sản trong trường hợp này bao gồm khoáng sản kim loại (sắt, bạc, đồng, nhôm, chì, kẽm,...), khoáng sản phi kim loại (thủy tinh chịu lửa, kim cương, thạch anh, cát sỏi,...) và không bao gồm các khoáng sản cháy được như dầu mỏ, than đá, khí tự nhiên.

Các khoáng sản này đóng một vai trò rất lớn trong các ngành công nghiệp của các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là lĩnh vực quốc phòng. Niobi được sử dụng chủ yếu trong sản xuất thép và ứng dụng hàng không vũ trụ; khoáng sản đất hiếm có trong tất cả mọi thứ từ màn hình máy tính đến các vệ tinh; và rheni được sử dụng trong các động cơ tuốc bin²¹... Với hầu hết các khoáng sản được sử dụng trong công nghiệp có thể được gỡ ra và tái chế từ các bãi rác ngoại trừ đất hiếm, rất ít các vật liệu có thể được tái chế và phục hồi để sử dụng trong công nghiệp.

²⁰ Parthemore, C. (2011). *Elements of Security, Mitigating the Risks of U.S. Dependence on Critical Minerals*. Center for a New American Security, Washington DC. pp 7

²¹ U.S. Geological Survey, “*Minerals Commodity Summary*” (2011): Center for a New American Security, Washington DC 110-111, 128-129, 130-131

Hiện nay, việc tìm hiểu và khai thác khoáng sản đã trở thành vấn đề quan trọng ảnh hưởng đến kinh tế và địa chiến lược. Trong một thập kỷ vừa qua, trường hợp ảnh hưởng nghiêm trọng nhất đến nền an ninh quốc gia liên quan đến đất hiếm, thứ khoáng sản không được phân bố đặc biệt tập trung ở một khu vực địa lý. Có ít nhất 8 quốc gia được cho là có nguồn tài nguyên đất hiếm nhưng nguồn dự trữ đó không lớn. Trung Quốc thường được các phương tiện truyền thông cho là thị trường của đất hiếm vì họ sản xuất và xuất khẩu hầu như toàn bộ nhu cầu của thế giới hiện nay, nhưng Trung Quốc chỉ sở hữu khoảng 50% trữ lượng đất hiếm toàn thế giới nên cũng không phải là quá nhiều²². Sự độc quyền của Trung Quốc trên thị trường đất hiếm có thể sẽ đẩy giá đất hiếm lên cao.



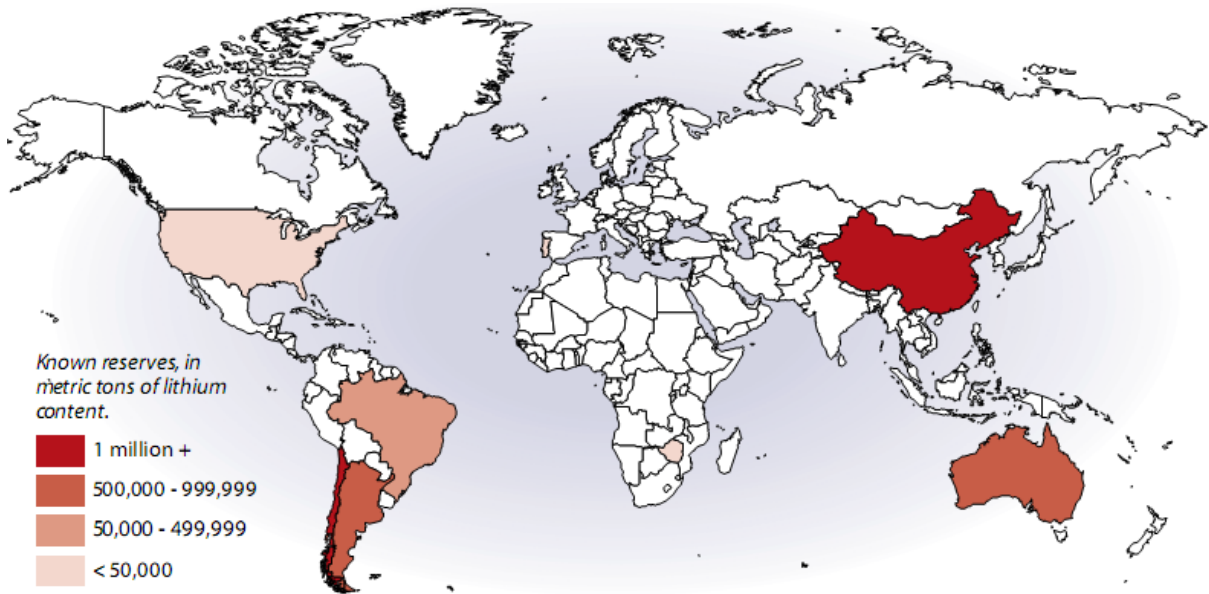
Biểu đồ 4: Sự phân bố trữ lượng đất hiếm được biết đến hiện nay trên thế giới.

(Nguồn: <http://www.cnas.org/naturalsecurity>)

Tương tự như đất hiếm Lithium cũng không tập trung cao độ ở một nơi nhất định dù cho chỉ có một lượng nhỏ các quốc gia cung cấp. Chile được cho là có khoảng 58% trữ lượng toàn thế giới nhưng ít nhất 7 quốc gia khác cũng được cho là có nguồn trữ lượng dù không nhiều. Ngoài ra Bolivia và Afghanistan cùng một số nước có Lithium vẫn chưa

²² U.S. Geological Survey, “Minerals Commodity Summary” (2011): Center for a New American Security, Washington DC 129

định lượng được vì thiếu cơ sở hạ tầng²³. Gali lại là một trường hợp khó khăn khác vì nó chỉ được tìm thấy chung với các khoáng chất khác và chỉ một phần nhỏ trữ lượng Gali trong các quặng Bô-xít là có thể phục hồi, điều liên phục hồi cũng rất nghiêm ngặt.



Biểu đồ 5: Sự phân bố trữ lượng Lithium hiện nay trên thế giới

(Nguồn: <http://www.cnas.org/naturalsecurity>)

Sự ảnh hưởng của các yếu tố địa lý lên nguồn cung của khoáng sản không phải lúc nào cũng thấy được. Quãng đường mà các khoáng chất đi đến tay người dùng sau cùng càng dài thì rủi ro sẽ càng cao. Tuy nhiên, do sự ảnh hưởng của các yếu tố địa lý đã làm cho quãng đường này càng dài hơn.

Mặc dù cục địa lý quốc gia Hoa Kỳ (USGS) đánh giá rằng trữ lượng các khoáng sản quan trọng hiện nay như khí hiếm, Lithium, Gali, Tantalum, Rhenium... Vẫn đáp ứng đầy đủ nhu cầu của thế giới trong khoảng vài thập kỷ nữa. Nhưng sự thật không phải như vậy. Các nhà hoạch định chính sách lại chỉ ra những điều bất cập mới, đó là chi phí sản xuất quá cao so với giá thành có thể khiến các mỏ khai thác phải đóng cửa. Các quốc gia có

²³ Parthemore, C. (2011). *Elements of Security, Mitigating the Risks of U.S. Dependence on Critical Minerals.*: Center for a New American Security, Washington DC . pp 17

trữ lượng lớn thì chưa đủ kinh phí cũng như cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực để có thể khai thác hết tiềm năng của họ dẫn đến sự độc quyền kinh doanh của một số quốc gia khác.

Chúng ta đang nói về đất hiếm và Rhenium với sự độc quyền của Trung Quốc và Chile. Chính sự độc quyền đó tạo ra những lợi thế nhất định cho các quốc gia xuất khẩu khoáng sản, lấy ví dụ về trường hợp của Trung Quốc, vì một số lý do về chính trị và kinh tế đã giảm sản lượng xuất khẩu đất hiếm sang Hoa Kỳ. Theo Washington reviewers (Mỹ), một bản báo cáo của Bộ Quốc phòng Mỹ cho biết 36 loại vũ khí trong đó có máy bay chiến đấu F-35 của Công ty Lockheed - Martin đều sử dụng nam châm năng lượng cao được chế tạo từ nguyên liệu đất hiếm nhập khẩu. Nguyên liệu đất hiếm này chủ yếu nhập khẩu từ Trung Quốc.

Ngoài ra, máy bay F-22 của không quân Mỹ, tàu khu trục DDG của hải quân, xe bọc thép Bradley và tên lửa AIM-9X Sidewinder của Lục quân cũng đều sử dụng nam châm sắt boron neodymium - được chế tạo từ nguyên liệu đất hiếm.

Vào năm 2010 Trung Quốc đột ngột chặn nguồn cung đất hiếm sang Mỹ sau tuyên bố từ Mỹ về việc tiến hành thanh tra những lời phàn nàn liên quan đến việc Trung Quốc trợ cấp thiếu công bằng cho ngành công nghệ sạch của nước này. Thậm chí ngay cả trước căng thẳng mới đây, công ty nhập khẩu Mỹ tuyên bố Trung Quốc đã hạn chế 30% hạn ngạch xuất khẩu đất hiếm. Lượng đất hiếm được chuyển sang Mỹ bắt đầu bị hạn chế từ đầu tháng 7/2010.

Trung Quốc cũng từng sử dụng con bài “khoáng sản đất hiếm” với Nhật khi họ có căng thẳng về các đảo ở biển Đông Trung Hoa. Mặc dù không có bất cứ công văn hay quyết định nào của chính phủ Trung Quốc, nhưng phía Nhật Bản vẫn nhận được báo cáo về sự gián đoạn trong việc cung cấp khoáng sản từ các nhà cung cấp Trung Quốc.

Thật thú vị khi chế độ chính trị ổn định lại là điều kiện đi đôi với các quốc gia sản xuất và khai thác khoáng sản hàng đầu. Có thể kể đến Trung Quốc, Hoa Kỳ, Brazil,

Chile, Malaysia, Úc... Mặc dù sự ổn định về mặt chế độ chính trị được đánh giá khá tốt ở cấp nhà nước của các nước sản xuất khoáng sản. Nhưng sự gián đoạn nguồn cung vẫn có thể đến từ các nguyên nhân tồn tại ở cấp thấp hơn như đình công hoặc sự thay đổi hạn ngạch xuất khẩu, tăng trợ cấp trong nước hoặc đơn giản là tăng nguồn dự trữ quốc gia đối với nhu cầu quốc phòng cũng như các mục tiêu chính trị mà trường hợp Trung Quốc nêu trên là một ví dụ.

2.3.1.3 Nguồn nước

Trái đất là một hành tinh của nước, với trữ lượng dồi dào. Nhưng thực tế 97% số lượng nước là nước biển mặn ở các đại dương, không thích hợp cho con người sử dụng hoặc dùng trong nông nghiệp mà không phải tiêu tốn quá nhiều kinh phí để khử muối. Nước là tài nguyên cơ bản, thiếu nước con người không thể sống quá vài ngày. Những con sông, những vùng duyên hải và những đại dương hỗ trợ cho những hệ thống sinh thái cung cấp cho xã hội loài người thức ăn và sinh kế (kể sinh nhai), bên cạnh đó khoảng 40% các loại cây trồng trên toàn thế giới phụ thuộc vào việc tưới tiêu. Theo Liên Hiệp Quốc, trên thế giới hiện nay có khoảng 1,1 tỉ người đang sống với nguồn nước không an toàn và 2,6 tỉ người phải sử dụng nước mà không được đáp ứng yêu cầu về vệ sinh cơ bản. Hơn nữa, theo báo cáo toàn cầu của LHQ về nước, vấn đề này ngày càng tồi tệ hơn dưới sức ép của việc gia tăng dân số và khí hậu thay đổi, gần một nửa dân số thế giới sẽ sống trong các khu vực căng thẳng về nước vào năm 2030²⁴. Tất cả những con số thống kê sau đây cho thấy tầm quan trọng của nguồn nước đối với con người và chính vì tầm quan trọng như vậy cho nên nguồn nước luôn là một nguồn tạo ra xung đột trong quan hệ quốc tế từ xưa đến nay.

Chính sự gia tăng dân số một cách chóng mặt hiện nay đã tạo ra những vấn đề cấp thiết về nguồn nước. Cách nay 2.000 năm, chỉ có khoảng 250 triệu người trên trái đất, nhưng ước tính đến năm 2020, chỉ riêng Bắc Phi và Trung Đông đã có 400 triệu người. Trong khi đó, những sa mạc như Sahara đang ngày càng mở rộng, và các nguồn nước

²⁴ Center for a new American Security (CNAS), Water, truy cập tại địa chỉ <http://www.cnas.org/naturalsecurity/consumption/water>

ngày càng cạn kiệt. Mực nước Biển Chết đã giảm xuống hơn 10m trong TK 20. Hồ Chad – một trong những nơi khởi nguồn của sông Nile – giảm gần 100 m nước mỗi năm. Mực nước ngầm tại hàng triệu hecta miền bắc Trung Quốc giảm 1m/năm, khiến việc đào giếng ngày càng tốn kém. LHQ ước tính các giếng ở khu vực này phải khoan sâu 1km hoặc hơn mới có nước sạch. Những khối băng trên dãy Himalaya, từng được mệnh danh là “tháp nước của châu Á”, đang tan biến với một tốc độ báo động. Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến lưu lượng nước của các con sông chính như sông Mê Công, sông Dương Tử (Trung Quốc), sông Hằng (Ấn Độ), sông Indus (Pakistan). Ngoài ra, ô nhiễm là một hệ quả đáng sợ nhất của quá trình phát triển công nghiệp, và làm tổn hại nghiêm trọng đến nguồn cung nước sạch trên thế giới. Trung Quốc hiện là nơi bị cáo buộc gây ô nhiễm nguồn nước nhiều nhất. Sông Dương Tử ở nước này là một trong những con sông bị ô nhiễm nặng nhất thế giới. Hơn 40% trong 662 thành phố lớn của Trung Quốc không có hệ thống xử lý rác và chất thải. Ước tính của chính quyền Bắc Kinh cho biết 9/10 thành phố trong nước có hệ thống nước ngầm bị ô nhiễm, và khoảng 300 triệu người phải uống nước không an toàn.²⁵

Trong lúc các nghiên cứu cho rằng các quốc gia sẽ không gây chiến tranh để tranh giành nguồn nước, nhưng chắc chắn là sẽ có các cuộc xung đột trong xã hội, căng thẳng giữa các quốc gia, và những thách thức khác liên quan đến nước an ninh quốc gia, bao gồm cả việc sử dụng tài nguyên nước như một công cụ mang tầm ảnh hưởng chính trị. Từ “cạnh tranh” (rivalry) trong tiếng Anh bắt nguồn từ từ “rivalis” của tiếng Latin, nghĩa là “người dùng chung một dòng sông với người khác”. Ví dụ, Syria và Iraq phản đối kịch liệt việc Thổ Nhĩ Kỳ xây dựng đập Ataturk trên sông Euphrates, chảy qua Thổ Nhĩ Kỳ vào hai nước này²⁶. Tại Pakistan, hạn hán và khan hiếm nguồn nước nói chung đã đe dọa nền kinh tế, gây bất ổn dân sự - bao gồm các cuộc bạo động và đánh bom - và phức tạp hơn nữa quan hệ với Ấn Độ. Ở Trung Á, Kyrgyzstan và Tajikistan mong muốn xây dựng

²⁵Kevin Danaher and Shannon Biggs and Jason Mark, *World's Water Supply at Risk*, truy cập tại địa chỉ <http://www.alternet.org/story/62950/>

²⁶Patrick Clawson, ed. (1997), *Strategic Assessment: Flashpoints and Force Structure*, Institute for National Strategic Studies, National Defense University, Washington DC, Chương 18.

đập thủy điện trên những nhánh sông đổ ra biển Aral ở thượng nguồn từ Uzbekistan đã làm trầm trọng hơn căng thẳng với chính phủ nước này²⁷. Những cuộc đàm phán giữa Israel và Syria năm 2000 "bị phá vỡ bởi vấn đề khả năng tiếp cận các vùng biển hồ Galilee"²⁸ ở Cao nguyên Golan, nơi mà hệ thống sông cung cấp gần 40% lượng nước cho Israel. Nước cũng có thể được sử dụng trực tiếp như là một vũ khí chiến tranh bằng việc phá hoại hoặc các mảnh khóc khác làm ảnh hưởng đến đường (vận chuyển) cung ứng của quân đội, làm tăng căng thẳng chính trị hoặc bằng việc gián tiếp nhắm mục tiêu vào dân chúng²⁹.

Trong thực tế, nước của nhiều con sông lớn trên thế giới như sông Mê Công, sông Indus, sông Nile, sông Amazon... được chia sẻ giữa 2 hoặc nhiều quốc gia. Lưu vực những con “sông chung” (sông chảy qua từ 2 nước trở lên) chiếm tới 45% bề mặt đất liền của trái đất, và cung cấp nước cho 40% dân số toàn cầu, đồng thời chiếm 60% lượng nước sông toàn cầu³⁰. Chính những con “sông chung” như vậy có thể tạo ra mâu thuẫn giữa các nước cùng chia sẻ chúng. Chẳng hạn, ở lưu vực sông Mê Kông - con “sông chung” của các nước Việt Nam, Lào, Thái Lan, Campuchia, Myanmar và Trung Quốc – các nước này vẫn chưa đạt được một giải pháp ổn thỏa về sử dụng dòng sông chung. Nhiều nước lên án Trung Quốc xây nhiều đập thủy điện trên thượng lưu con sông làm mực nước sông ngày càng cạn kiệt.³¹

Khi những bất đồng về chia sẻ nguồn nước giữa các quốc gia không thể giải quyết bằng biện pháp hòa bình, rất có thể sẽ xảy ra chiến tranh. Trong lịch sử, cuộc chiến dai dẳng giữa người Israel và người Palestine được cho là một phần do tranh giành nguồn nước. Bờ Tây nằm trên một khu vực ngậm nước lớn. Thêm vào đó, Cao nguyên Golan mà Israel lấy đi từ Syria trong cuộc chiến 6 ngày năm 1967 là nơi bắt nguồn của sông

²⁷ *BBC News* (2009), *Central Asia fails in water talks*.

²⁸ Oli Brown and Alec Crawford (2009), *Rising Temperatures, Rising Tensions*, Winnipeg: International Institute for Sustainable Development, Ministry of foreign affairs of Denmark's report. tr.21.

²⁹ Peter H. Gleick (1993), *Water and Conflict: Fresh Water Resources and International Security*, *International Security*, The MIT Press Journal, USA. tr.79-112.

³⁰ BBC. News (2008). *Worldwide battle for water (video)*

³¹ BBC. News (2008), *Worldwide battle for water (video)*

Jordan và các nguồn nước đổ vào Biển Galilee. Ở một khu vực khô hạn như Trung Đông, kiểm soát nguồn nước mang tính sống còn đối với cả một dân tộc. Trận đánh Beersheba nổi tiếng trong chiến tranh thế giới thứ nhất giữa liên quân Anh- Australia-New Zealand với liên minh giữa hai Đế chế Ottoman và Đức là trận đánh tranh giành quyền kiểm soát các nguồn nước ở Thổ Nhĩ Kỳ và Birussebi. Trong tranh chấp các dòng sông chung, nếu các nước ở thượng lưu mạnh hơn, họ sẽ gia tăng việc kiểm soát nguồn nước bằng cách xây đập thủy điện hoặc thủy lợi, và các nước ở dưới hạ lưu chỉ biết ngậm bồ hòn làm ngọt. Nhưng nếu các nước ở hạ lưu mạnh hơn, các nước các nước trên thượng lưu có thể bị chiến tranh nếu quản lý nguồn nước không tốt. Ai Cập, một nước vùng hạ lưu hùng mạnh, đã nhiều lần dọa sẽ tiến hành chiến tranh để giải quyết mâu thuẫn xung quanh dòng sông Nile. Chỉ nhờ cả hai nước vùng thượng lưu là Sudan và Ethiopia đều bị nhấn chìm trong nội chiến và quá nghèo để có thể xây đập tích trữ nguồn nước nên chiến tranh mới chưa xảy ra. Ở lưu vực sông Euphrates, Thổ Nhĩ Kỳ có quân đội hùng mạnh hơn Syria, nhưng điều đó cũng không ngăn được người Syria nhiều lần đe dọa bạo lực.

Tuy nhiên, lịch sử cũng chứng minh rằng tranh chấp nguồn nước giữa các quốc gia hiếm khi dẫn đến chiến tranh. “Nước suy cho cùng là một nguyên nhân của hợp tác hơn là chiến tranh. Vì nó quá thiết yếu đến nỗi bạn không thể chiếm đoạt nó bằng chiến tranh”, Daniel Zimmer – giám đốc của Hội đồng Nước thế giới (WWC) – nói. Ông Zimmer đơn cử thỏa thuận ký kết hồi tháng 3-2008 giữa Thổ Nhĩ Kỳ, Iraq và Syria về việc cùng thiết lập một Viện Nước để nghiên cứu và theo dõi các nguồn nước chung. Hay như các nước dọc theo sông Mê Công đã thành lập Ủy ban sông Mê Công (MRC) với mục đích tương tự.³²

Tóm lại, với việc bùng nổ dân số và phát triển kinh tế đang diễn ra cũng như tình trạng sử dụng “chung” giữa các quốc gia thì những xung đột được nêu ở trên sẽ ngày càng tăng kéo theo đó là những áp lực đối với các quốc gia về nhu cầu sử dụng nguồn tài nguyên này.

³² Stephen C. Pelletiere, *A War Crime Or an Act of War?*, The New York Times Số ngày 31-1-2003

2.3.1.4 Đất đai

Có thể thấy, đất đai đóng một vai trò quan trọng trong đời sống của mỗi con người. Đất đai đồng thời cũng chính là một nhân tố quan trọng cho sự phát triển kinh tế của quốc gia. Sự suy thoái hay cạn kiệt nguồn đất có thể dễ dàng thấy được như một nguồn cho các xung đột. Điều này có thể dễ dàng thấy được trong lịch sử, ví dụ như sự suy thoái đất đã gây ra hạn hán kéo dài ở Peru, được đánh giá là một trong những nguyên nhân cho sự phát triển của Sendero Luminoso, một tổ chức nổi dậy theo chủ nghĩa cộng sản phát triển ở Peru vào những năm 80. Hay như sự thiếu hụt về đất ở Bangladesh đã dẫn đến một làn sóng di dân sang Ấn Độ, châm ngòi cho một cuộc mâu thuẫn tôn giáo ở đất nước này. Một ví dụ khác đó chính là sự suy giảm về đất trồng ở Philippines đã góp phần cho những cuộc nổi dậy ở nước này những năm 70-80.

Để thấy rõ vai trò của đất đai đối với an ninh của một quốc gia như thế nào, công trình sẽ phân tích những xung đột về lãnh thổ trong lịch sử cũng như những ảnh hưởng một khi nguồn đất bị cạn kiệt, suy thoái.

Đầu tiên, đất đai không những là nơi sinh sống mà còn là nơi chứa đựng nhiều giá trị bản sắc, văn hóa thiêng liêng của một dân tộc/quốc gia. Mất đi nguồn đất nghĩa là mất đi chỗ ở, đồng thời cũng là mất đi chủ quyền của quốc gia, tiếng nói của dân tộc. Có thể lấy sự di dân ngày càng tăng của người Trung Quốc sang châu Phi làm một ví dụ. Những hiệp định thương mại và việc kinh doanh của Trung Quốc vào châu Phi đã được nhiều quốc gia e ngại, phải chăng Trung Quốc đang dần độc quyền dầu mỏ, khí đốt và nguồn tài nguyên khoáng sản dồi dào của châu lục này. Chỉ tính riêng năm 2007, các công ty của Trung Quốc đã đầu tư tổng cộng một tỷ USD vào châu Phi, thương mại hai chiều đạt mức 73,31 tỷ USD, tăng gấp 7 lần so với năm 2000, số người Trung Quốc đi du lịch đến các nước châu Phi là hơn 234.000 trong cùng năm. Số người Trung Quốc sinh sống ổn định ở châu Phi đã lên đến 750.000 người chỉ trong thập kỷ qua và con số dường như sẽ

còn tiếp tục.³³ Như một hệ quả, những khu vực riêng cho người Trung Quốc (Chinatown) đã lần lượt có mặt ở khắp các thành phố lớn của châu lục như Dares Salaam hay Nairobi; đồ chơi, quần áo Trung Quốc lan tràn trong các cửa hiệu, các viện Không Tử (trung tâm văn hóa do Trung Quốc tài trợ) nổi lên khắp châu Phi và giảng dạy cho người dân địa phương cách làm kinh doanh bằng tiếng Phổ Thông và tiếng Quảng Đông. Có thể dễ dàng nhận ra Bắc Kinh đang sử dụng châu lục này như một lối thoát cho tình trạng bùng nổ dân số hơn 1,3 tỷ người ở Trung Quốc đại lục, sự thiếu hụt về thức ăn, lương thực cũng như nguồn thị trường mới để tiêu thụ các sản phẩm. Điều này trực tiếp đem lại những tác động tiêu cực đến chính trị và xã hội của các quốc gia ở “Châu lục đen”. Những cuộc nổi dậy đã diễn ra lần lượt ở Zambia, Angola và Congo phản đối sự nhập cư ồ ạt của nhân công Trung Quốc, đó là chưa kể đến tham vọng thuần hóa chủng Negroit và sự xâm thực về văn hóa của “cường quốc mới nổi” này.

Thứ hai, đất còn là nơi cung cấp nguồn lương thực cho con người. Sự thiếu hụt cũng như suy thoái về đất sẽ dẫn đến một vấn đề quan trọng là đảm bảo lương thực. Điều này có thể đến từ nhiều nguyên do, ví như sự gia tăng dân số một cách không có kiểm soát (ở các nước châu Phi, châu Mỹ Latin và một bộ phận các nước Đông Nam Á) đã làm giảm diện tích đất để canh tác, hay như hiện tượng sa mạc hóa, sự thiếu hụt về lượng mưa, v..v... Theo Chương trình Lương thực Thế giới (The World Food Program), có gần một triệu người đang không nhận đủ lương thực³⁴. Trớ trêu thay khi sự suy dinh dưỡng này chủ yếu tập trung ở vùng nông thôn của các vùng kinh tế dựa trên nông nghiệp. Điều này cũng làm bật lên sự phức tạp của các vấn đề hiện nay về quyền sử dụng đất và thực phẩm. Giống như một báo cáo gần đây của Ngân hàng Thế giới (World Bank) có ghi nhận: “Khả năng tạo ra thu nhập về nông nghiệp cho người nghèo, đặc biệt là phụ nữ, thì quan trọng đối với an ninh lương thực hơn là tăng nguồn cung cấp lương thực của địa

³³ Andrew Malone (2008), “*How China’s taking over Africa, and why the West should be very worried*”, truy cập tại <http://www.dailymail.co.uk/news/article-1036105/How-Chinas-taking-Africa-West-VERY-worried.html>.

³⁴ World Food Programme (2009), *Annual Report*: tr.6.

phương.”³⁵ Và bất kể những nguyên nhân dẫn đến sự thiếu nguồn lương thực là gì, đây cũng sẽ là một nguyên nhân quan trọng làm ảnh hưởng đến an ninh của quốc gia. Những cuộc bạo loạn và nội chiến trong những năm gần đây ở hơn 40 quốc gia, được đánh giá là dựa trên sự gia tăng về giá thực phẩm. Có thể dễ dàng kể tên một số quốc gia nằm trong trường hợp này như Bangladesh, Haiti, Kenya, Mexico, Mozambique và Pakistan. Tuy giá lương thực vẫn đang luôn không ngừng được điều chỉnh lại, song đây vẫn là một nguồn lớn khiến cho tình trạng tử vong và đời sống bấp bênh của người dân các nước này tăng cao. Chúng ta có thể lấy Yemen như một trường hợp. Tình trạng bất ổn của đất nước trong năm 2011 vừa qua đã làm gián đoạn sự trao đổi hàng hóa và nhận viện trợ của nước này. Kể từ tháng 6/2011, bất ổn đã cản trở lương thực đến với một số khu vực như Abyan, Shabwa và Hadramut. Theo Chương trình Lương thực Thế giới (WFP) thì giá các mặt hàng lương thực cơ bản đã tăng 46% kể từ đầu năm do giá nhiên liệu tăng cao, chi phí vận chuyển tăng và hiện đã vượt qua kỷ lục cao nhất vào năm 2008. Cụ thể, giá bánh mì đã tăng gấp đôi chỉ trong vòng 6 tháng. An ninh lương thực của những người chăn gia súc, đặc biệt là ở khu vực Tihama của Al Hodeidah, cũng nhanh chóng xấu đi. Nguồn thức ăn cho chăn nuôi trở nên khan hiếm và đất đỏ còn nguồn nước cho tưới tiêu cũng không đủ do sự thiếu hụt về dầu diesel. Điều này đã khiến không ít người dân phải nhanh chóng giảm quy mô chăn nuôi hoặc bán với giá rất thấp. Trước tình trạng bất ổn hiện tại, khoảng 7,2 triệu người (trên 32% hộ gia đình) ước tính là không được đảm bảo an ninh lương thực. Ước tính đã có hơn nửa triệu người ở miền Bắc phải dời đi, hơn 700.000 người ở miền Nam phải rời bỏ nhà cửa trong tình trạng giao tranh và có khoảng 212.000 người phải đi tị nạn, chủ yếu là ở Somalia.³⁶ Một cách khác, tình trạng an ninh lương thực xấu đi và sự di dân này lại tiếp tục tạo nên một sự bất ổn khác về chính trị ở Yemen, làm cho tình hình vốn tồi tệ nay lại tồi tệ hơn.

³⁵ World Bank (2007), *World Development Report 2008: Agriculture for Development*: tr.95.

³⁶ FAO (2011). *FAO GIEWS Country Brief on Yemen*. Issue brief, truy cập tại <http://www.fao.org/giews/countrybrief/country.jsp?code=YEM>.

Sự thiếu hụt về đất trồng không chỉ đến từ suy thoái nguồn đất mà còn đến từ sự giảm đi trong diện tích đất canh tác. Ngày nay, một số quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển, đã có những chính sách cho các công ty đa quốc gia thuê đất. Trong một số trường hợp, chính phủ ở các quốc gia châu Phi, châu Mỹ Latin và Đông Nam Á đã ký kết những hợp đồng cho thuê đất kéo dài hàng thập kỉ. Điều này làm cho diện tích đất trồng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Không những thế, diện tích rừng và đất tự nhiên cũng sẽ bị ảnh hưởng theo. Ở Madagascar, một sự giao dịch về đất cho việc xuất khẩu trực tiếp vụ mùa sang Hàn Quốc đã dẫn đến một cuộc nội chiến trong nước mà kết quả cuối cùng chính là sự ra đi của chính quyền vào đầu năm 2009. Dựa theo Viện nghiên cứu chính sách và thực phẩm quốc tế, trong năm 2008, Tổng công ty Daewoo của Hàn Quốc đã đàm phán được 1,3 triệu hectares (hoặc gần như một nửa) đất canh tác ở Madagascar cho việc sản xuất hạt và dầu cọ để xuất khẩu trở lại về Hàn Quốc³⁷. Trường hợp tương tự cũng khá phổ biến ở châu Phi và Đông Nam Á, tuy nhiên có thể thấy kết quả phổ biến của việc cho thuê đất này thường là tiêu cực.

Cuối cùng, đất trồng không chỉ đơn thuần tác động đến an ninh tự nhiên của quốc gia mà nó còn kéo theo nhiều nhân tố khác. Ví dụ như, sự xói mòn đất có thể dẫn đến lũ lụt, sự suy thoái đất do ô nhiễm có thể kéo theo sự ô nhiễm nguồn nước, một cách rộng hơn có thể tác động đến sự biến đổi khí hậu. Đây cũng là một yếu tố cần xét đến trong quá trình nghiên cứu về các thành tố của an ninh tự nhiên.

Tóm lại, trong hiện tại lẫn tương lai, đất đai vẫn sẽ là một nguồn của xung đột giữa các quốc gia. Khả năng tiếp cận đất và canh tác cũng như chính sách quản lý các nguồn đất này sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến việc bảo vệ an ninh của quốc gia.

2.3.2 Hệ quả

2.3.2.1 Biến đổi khí hậu

"Chúng tôi có thể dự đoán được một tương lai mà con người và các quốc gia bị đe

³⁷ Joachim von Braun and Ruth Meinzen-Dick (2009), “‘Land Grabbing’ by Foreign Investors in Developing Countries: Risks and Opportunities” *IFPRI Policy Brief*, No. 13.

dọa bởi các tình trạng thiếu nước và thực phẩm, sự tàn phá của thảm họa thiên nhiên cùng sự bùng phát của các dịch bệnh" John Podesta, cựu trưởng nhân viên của tổng thống Bill Clinton.

Theo định nghĩa trong công ước chung của LHQ về biến đổi khí hậu, biến đổi khí hậu trái đất là sự thay đổi của hệ thống khí hậu gồm khí quyển, thủy quyển, sinh quyển, thạch quyển hiện tại và trong tương lai bởi các nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo". "Biến đổi khí hậu là những biến đổi trong môi trường vật lý hoặc sinh học gây ra những ảnh hưởng có hại đáng kể đến thành phần, khả năng phục hồi hoặc sinh sản của các hệ sinh thái tự nhiên và được quản lý hoặc đến hoạt động của các hệ thống kinh tế - xã hội hoặc đến sức khỏe và phúc lợi của con người".³⁸

Biến đổi khí hậu với những hậu quả của nó đang khiến hàng triệu người phải đối mặt với lũ lụt, hạn hán và tình trạng thiếu nước. Nhiệt độ nóng lên đang khiến cho các tảng băng tan dần. Băng tan làm cho mực nước biển tăng lên. Trong thế kỉ 20, mực nước biển trung bình đã tăng lên từ 10 đến 20 cm, và được dự đoán sẽ tăng lên từ 18 đến 59 cm vào năm 2100. Mực nước biển dâng lên gây ra lũ lụt và xói mòn, đe dọa nhấn chìm các đảo, hay cả các quốc gia gần biển, có thể làm cho nhiều khu vực bị chìm trong nước biển. Dân số lớn nhất phải chung sống với nguy cơ mực nước biển tăng lên là ở Trung Quốc, Philippin, Ai Cập và Indonexia. Chỉ tính riêng Trung Quốc và Philippin đã có 64 triệu người sống ở vùng có độ cao thấp (cao hơn mực nước biển 1m). Biến đổi khí hậu sẽ dẫn đến các cuộc di cư khỏi các vùng khan hiếm nước và lương thực. Đồng thời con người cũng sẽ rời khỏi các vùng có mực nước biển đang dâng cao, các khu vực bị hạn hán, bão lụt tàn phá.³⁹

Các quốc gia và khu vực đang gặp nguy hiểm:⁴⁰

³⁸ UN 1992, *United Nations Framework Convention on Climate Change*.

³⁹ Ratmat Witoelar (2008), *Energy Security and Climate Change: An Indonesian Perspective*, Journal of European Studies, volume IV, No.1, Indonesia.

⁴⁰ WWF, *Climate change and Global Glacier Decline*.

- Ecuador, Peru và Bolivia - đây là các quốc gia mà nước từ băng tan là nguồn cung cấp nước cho cả năm và là nguồn cung nước duy nhất cho các thành phố lớn trong mùa khô.
- Dãy Himalayas - đang phải đối mặt với những trận lũ lụt kinh hoàng, các dòng sông băng đang cung cấp nước cho 1/3 dân số thế giới.
- Các đảo quốc nhỏ như Tuvalu và một số đảo thuộc quần đảo Solomon - nơi mà mực nước biển đang dân chạm tới các vùng đất thấp.

Nhìn từ góc độ an ninh quốc gia, biến đổi khí hậu có khả năng gây ảnh hưởng đến cuộc sống (ví dụ như thông qua tình trạng khan hiếm lương thực và nước, sự lây lan của bệnh, ...), gây ra lũ lụt, xói mòn bờ biển, thời tiết khắc nghiệt, ...và các lợi ích an ninh khác. Nổi bật hơn so với vấn đề mất cân bằng đa dạng sinh học, nhận thức về mối quan hệ giữa biến đổi khí hậu và an ninh quốc gia ngày càng tăng lên. Một báo cáo của CNA (Center for Naval Analyses) năm 2007 đã đưa ra nhận định rằng những tác động của biến đổi khí hậu là tác nhân làm trầm trọng thêm những căng thẳng và sự bất ổn. Biến đổi khí hậu, thông qua thời tiết khắc nghiệt, có thể gây tác động trực tiếp lên an ninh quốc gia bằng cách gây thiệt hại nghiêm trọng cho căn cứ hay phá hoại nguồn quốc phòng của quốc gia. Biến đổi khí hậu sẽ ảnh hưởng đến an ninh quốc gia theo nghĩa rộng nhất, từ tăng trưởng kinh tế đến ổn định xã hội. Từ năm 1998, chương trình nghiên cứu biến đổi toàn cầu của Mỹ đã đưa ra nghiên cứu các nhà khoa học nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu lên 19 khu vực của Mỹ và họ đưa ra kết luận rằng sự thay đổi nhiệt độ không khí trong môi trường sẽ dẫn đến sự thay đổi của lượng mưa và thời tiết, và hơn nữa có thể ảnh hưởng đến khả năng làm việc của quân đội.

Sự thay đổi khí hậu có thể gây ảnh hưởng đến sự ổn định trong nước và góp phần tạo ra xung đột do sự khan hiếm nguồn nước.

Dựa vào báo cáo năm 2010 của một nghiên cứu về các loài có xương sống ở Bắc Cực từ năm 1970 đến 2004, các loài ở vùng Bắc Cực cao đã giảm khoảng 26 % trong khi các

loài ở vùng Bắc Cực thấp đã tăng khoảng 46%⁴¹ Dòng di chuyển của cá cũng đã thay đổi. Vùng nước ấm đang đưa cá đi qua các đường biên giới quốc tế vào nước Nga.

Marc Levy, phó giám đốc của Trung tâm Mạng lưới thông tin và Khoa học trái đất thuộc đại học Columbia (Columbia University's Center for International Earth Science Information Network) phát biểu rằng rõ ràng các nhà hoạch định chính sách đang rất quan tâm đến vấn đề biến đổi khí hậu và họ đặt ra câu hỏi liệu biến đổi khí hậu có khiến các cuộc khủng hoảng như cuộc xung đột ở Darfur xảy ra thường xuyên hơn hay không. Vẫn chưa có một câu trả lời cụ thể nào cho vấn đề này nhưng có thể thấy rằng họ đang xem xét vấn đề biến đổi khí hậu và an ninh một cách rất nghiêm túc.

Mối liên kết giữa biến đổi khí hậu và xung đột tuy phức tạp nhưng có thể dễ dàng nhận thấy. Đối với một số quốc gia, biến đổi khí hậu có thể làm tăng rủi ro cho các tình trạng thiếu nguồn tài nguyên, di dân hàng loạt và xung đột dân sự. Đây có thể dẫn đến sự thất bại của các quốc gia, điều đe dọa đến sự ổn định và an ninh toàn cầu.

Ví dụ biến đổi khí hậu ở Bắc Cực sẽ gây ra tan băng ở Alaska và các vùng địa cực khác, dẫn đến xói mòn, sụt lở đất. Điều này làm ảnh hưởng đến giao thông vận tải, quốc phòng và cơ sở hạ tầng như đường băng, thiết lập radar,...

Việc nhiệt độ đang tăng lên ở Bắc Cực sẽ làm cho lớp băng ở bề mặt biển bị mỏng đi, giúp cho quân đội di chuyển và vận chuyển hàng thông qua vùng biển Bắc Cực dễ dàng hơn. Mỹ sẽ tăng lực lượng quân đội ở khu vực này nhằm kiểm soát việc vận chuyển và di chuyển. Điều này có thể gây ra xung đột về chính sách với Canada vì Canada xem tuyến đường Tây Bắc là vùng biển của mình.

Thứ hai, biến đổi khí hậu cũng làm cho phía bắc của vùng biển Bắc Cực ở phía Nga tan băng trong một thời gian dài. Mỹ có thể sẽ sử dụng lợi thế đó, điều này sẽ tạo thêm

⁴¹ Louise McRae, Christoph Zöckler, Michael Gill, Jonathan Loh, Julia Latham, Nicola Harrison, Jenny Martin and Ben Collen (2010), *Arctic Species Trend Index 2010: Tracking Trends in Arctic Wildlife*, CAFF CBMP Report No. 20.

căng thẳng giữa Mỹ và Nga về vấn đề đường biển Bắc.

"Biến đổi khí hậu sẽ tạo điều kiện mở rộng các cuộc chiến tranh khủng bố..Nghèo đói, di cư, thất nghiệp cao tạo điều kiện cho các phần tử cực đoan và khủng bố." Admiral T. Joseph Lopez, cựu Tổng tư lệnh Lực lượng hải quân Mỹ

Phó giám đốc CIESIN Marc Levy đồng thời là đồng tác giả các nghiên cứu của CIESIN cho biết: "Chúng tôi có thể khoanh vùng các khu vực có biến đổi khí hậu cao dự đoán đồng thời cũng là các khu vực bất ổn trong lịch sử."

Biến đổi khí hậu đang diễn ra đã gây ra nhiều tác động gây ra biến động đối với an ninh quốc gia và trở thành vấn đề mang tính chất toàn cầu. Ảnh hưởng và tác hại của nó không chỉ giới hạn trong phạm vi của quốc gia mà còn có thể xuyên biên giới và đạt đến mức độ toàn cầu. Đây là vấn đề mà cả thế giới đang quan tâm và cần phải giải quyết ở quy mô toàn cầu.

2.3.2.2 Đa dạng sinh học

Xã hội loài người phụ thuộc vào sự đa dạng sinh học (sự khác nhau giữa các sinh vật sống ở tất cả mọi nơi, bao gồm: các hệ sinh thái trên cạn, trong đại dương và các hệ sinh thái thủy vực khác, cũng như các phức hệ sinh thái mà các sinh vật là một thành phần...; thuật ngữ này bao hàm sự khác nhau trong một loài, giữa các loài và giữa các hệ sinh thái). Đa dạng sinh học cũng đóng vai trò quan trọng giúp phục hồi hệ sinh thái và duy trì các chức năng phục vụ cho đời sống con người.

Hiện nay, Trái Đất chúng ta đang đứng trên bờ vực của nguy cơ biến đổi sinh thái lớn nhất từ trước đến nay trong lịch sử.⁴²54 quốc gia đang phải đối mặt với việc 90% diện tích rừng bị phá hủy⁴³. Mất đa dạng sinh học ngày nay đang diễn ra một cách nhanh chóng

⁴² National Survey Reveals Biodiversity Crisis, *Scientific Experts Believe We Are in Midst of Fastest Mass Extinction in Earth's History: Crisis Poses Major Threat to*

⁴³ Food and Agriculture Association of the United Nations, *Global Forest Resources Assessment (2005)*, FAO Rome, trang 147

chưa từng có. Khoảng 1/3 các rạn san hô và rừng ngập mặn trên thế giới đã bị tàn phá.⁴⁴ Hơn 3/4 nguồn cá đã bị khai thác quá mức.⁴⁵ Khoảng 90% cá lớn ăn thịt đã biến mất khỏi đại dương từ 50 năm qua.⁴⁶ Gần 1/3 đất canh tác trên thế giới không thể sử dụng được do ảnh hưởng của sự xói mòn.⁴⁷ Chúng ta đang ở giai đoạn đầu của sự tuyệt chủng hàng loạt của các loài động thực vật trong lịch sử với sự tổn thất của môi trường thiên nhiên đang diễn ra trên khắp thế giới. Làn sóng tuyệt chủng với quy mô như hiện nay có thể làm suy yếu mạng lưới các hệ sinh thái trợ giúp duy trì dân số thế giới. Mặc dù tuyệt chủng vốn là vấn đề tất yếu tuy nhiên các chuyên gia ước tính tốc độ tuyệt chủng hiện nay cao gấp 10.000 lần so với tốc độ tuyệt chủng khi con người chưa tồn tại.⁴⁸ Một nghiên cứu cho rằng khoảng từ 1/3 đến 2/3 loài trên thế giới sẽ tuyệt chủng vào cuối thế kỉ này.⁴⁹ Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, những mối đe dọa phi truyền thống trở thành những nhân tố mới đe dọa an ninh quốc gia, vấn đề sinh thái là một trong những số đó. Khi hệ sinh thái bị suy thoái có thể dẫn đến sự thiếu hụt tài nguyên ở các khu vực nhất định.

Mất đa dạng sinh học được đánh giá có khả năng gây ra bất ổn cao, theo đó nó làm hạn chế con người tiếp cận đầy đủ đến nguồn tài nguyên. Mất đa dạng sinh học còn có thể trở thành yếu tố định hướng các vấn đề an ninh quốc gia. Trong ngắn hạn, suy thoái môi trường dẫn đến tuyệt chủng các loài sinh vật có mối tương quan với các vấn đề quân sự, các yếu tố như quản lý kém nguồn tài nguyên hay nghèo đói cũng có xu hướng gây ra bất ổn, kích động nổi dậy và xung đột. Trong một số trường hợp, mất đa dạng sinh học có thể thực sự kích động bạo lực và bất ổn. Sự bất ổn định do hệ sinh thái mang lại có thể làm bùng nổ các xung đột, thậm chí có thể dẫn đến chiến tranh. Chương trình Môi trường

⁴⁴ Millennium Ecosystem Assessment (2005), *Ecosystems and Human Well-Being: Synthesis*, World Resources Institute.

Clive Wilkinson, ed., *Status of Coral Reefs of the World: 2004*, Vol. 1, Global Coral Reef Monitoring Network, Australian Institute of Marine Science, trang 7

⁴⁵ U.N. Food and Agriculture Organization (2007), *The State of World Fisheries and Aquaculture*, trang 3;

U.N. Food and Agriculture Organization (2008), *The State of World Fisheries and Aquaculture*, trang 30-34

⁴⁶ Ransom Myers và Boris Worm (2003), *Rapid worldwide depletion of predatory fish communities*, trang 423

⁴⁷ Millennium Ecosystem Assessment (2005), *Ecosystems and Human Well-Being: Desertification Synthesis*, World Resources Institute

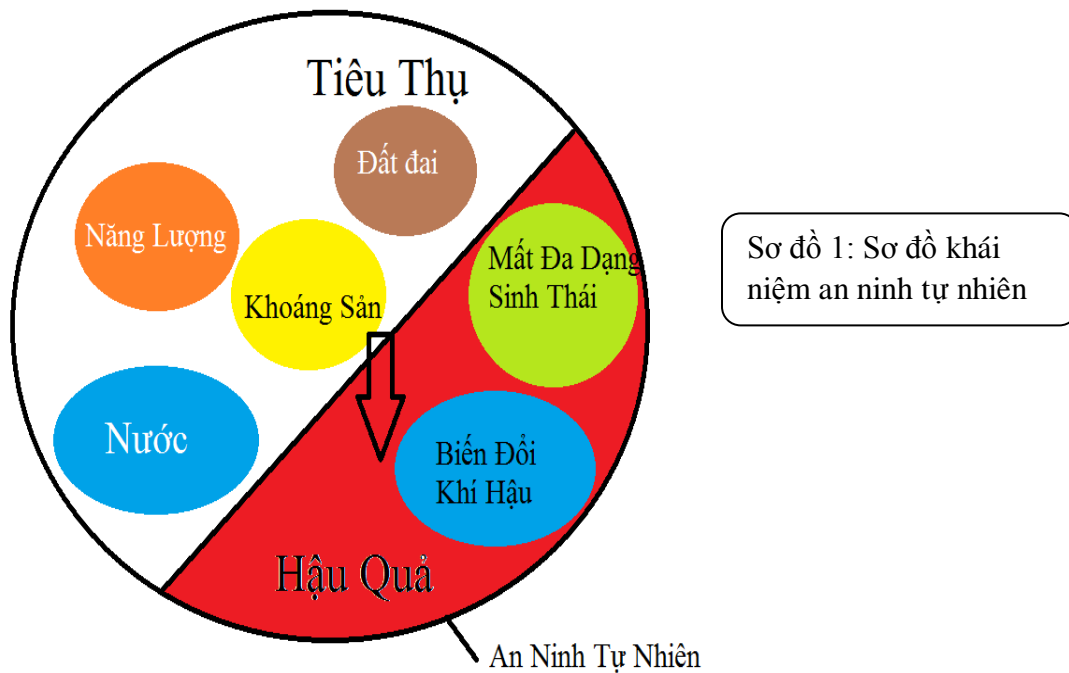
⁴⁸ E.O. Wilson (1989), *Threats to Biodiversity*, Scientific American 261, No. 3, trang 111.

⁴⁹ Stuart Pimm và Thomas Brooks (2000), *The Sixth Extinction: How Large, Where, and When?* National Academy Press, trang 59

của Liên Hiệp Quốc ước tính căng thẳng về tài nguyên thiên nhiên là yếu tố nổi bật trong khoảng 40% các cuộc xung đột hiện tại trên thế giới.⁵⁰ Với ước tính dân số sẽ tăng lên khoảng 3 triệu người trong vòng 50 năm tới, chúng ta thật sự gặp nhiều khó khăn để duy trì và phát triển các nguồn tài nguyên để có thể tiếp tục phục vụ cho nhu cầu của nhân loại.

Theo một báo cáo năm 2003 của UNEP (United Nations Environment Programme), phương tiện sinh sống của khoảng 80% người Afghanistan phụ thuộc vào các nguồn tài nguyên đã bị suy thoái, sự phục hồi nền kinh tế và chính thể của Afghanistan phụ thuộc vào sự phục hồi các nguồn tài nguyên này (ví dụ như trồng cây ở các vùng rừng bị tàn phá, thực hiện các chiến lược ngăn chặn xói mòn đất,...).⁵¹ Mất đa dạng sinh học đe dọa an ninh cơ bản của con người, hòa bình xã hội và các mối quan hệ địa chính trị.

Có thể khái quát khái niệm an ninh tự nhiên bằng sơ đồ sau.



⁵⁰ Halle (2009), trang 30

⁵¹ Halle (2009), trang 30

CHƯƠNG III: SO SÁNH KHÁI NIỆM AN NINH TỰ NHIÊN VÀ CÁC KHÁI NIỆM AN NINH GẦN NGHĨA

Trong thời đại toàn cầu hoá hiện nay, các vấn đề về an ninh phi truyền thống đang ngày càng được xem trọng và an ninh tự nhiên cũng nằm trong số đó. Nhưng khác với an ninh truyền thống, các vấn đề nội hàm của an ninh phi truyền thống rất đa dạng và có những mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Do đó, để có thể hiểu rõ và phân biệt An ninh tự nhiên với các vấn đề khác của An ninh phi truyền thống, việc so sánh và đối chiếu nó với các vấn đề còn lại là vô cùng cần thiết và quan trọng.

3.1 Một số khái niệm an ninh gần với an ninh tự nhiên

3.1.1 An ninh sinh thái

Xét về định nghĩa, đã xuất hiện hai cách hiểu về định nghĩa an ninh sinh thái. Cách hiểu thứ nhất bắt nguồn từ những năm giữa thế kỉ 20 mà theo đó an ninh sinh thái được hiểu là sự đảm bảo an ninh cho các hệ sinh thái trên Trái đất. Khác với khái niệm an ninh sinh thái theo nghĩa đảm bảo an ninh cho các hệ sinh thái và (do vậy an ninh sinh thái theo nghĩa này đã được xem là một khía cạnh của an ninh môi trường) an ninh sinh thái theo cách hiểu mới đề cập tới sự đảm bảo an ninh toàn diện cho con người trong môi trường sống của mình trong bối cảnh ngày càng phức tạp của thế giới.

Theo Viện Nghiên cứu Phân tích Hệ thống Ứng dụng Quốc tế của Hoa Kỳ (IIASA - International Institute of Applied System Analysis, an ninh sinh thái là sự đảm bảo không có những đe dọa đối với con người về cuộc sống, sức khỏe, các quyền lợi cơ bản, các nguồn đảm bảo cho cuộc sống, các tài nguyên cần thiết, hậu quả về xã hội và các khả năng thích nghi với các thay đổi môi trường, ..., bao gồm an ninh sinh thái tự nhiên, an ninh kinh tế và an ninh xã hội, ...⁵² Theo Liên bang Nga, an ninh sinh thái là sự bảo vệ môi trường tự nhiên và những quyền lợi sống còn của các công dân, xã hội và quốc gia chống lại các tác động từ bên trong và bên ngoài, các quá trình và xu thế xấu sinh ra do

⁵² Speth, James Gustave, ed, (2003). *Worlds Apart: Globalization and the Environment*. Washington D.C.: Island Press.

sự phát triển làm đe dọa sức khỏe con người, đa dạng sinh học, các chức năng chịu đựng của các hệ sinh thái, và sự sống còn của nhân loại.⁵³ Trong một cuốn sách được xuất bản năm 2005, giáo sư Dennis Pirages đã đưa ra định nghĩa về an ninh sinh thái như sau:⁵⁴ An ninh sinh thái là quá trình dựa trên việc duy trì bốn cân bằng động có liên quan với nhau sau đây: thứ nhất, giữa các nhóm dân cư có lối sống tiêu thụ ở mức cao và khả năng của thiên nhiên cung cấp nguồn tài nguyên và các dịch vụ môi trường; thứ hai, giữa các nhóm dân cư và các vi sinh vật gây bệnh; thứ ba, giữa các nhóm dân cư và các nhóm loài động, thực vật khác; thứ 4 giữa các nhóm dân cư với nhau.

Nếu một trong bốn cân bằng này bị phá vỡ do những tác động của con người hay tự nhiên sẽ dẫn đến sự mất an ninh sinh thái. Các thách thức về an ninh sinh thái có thể đến từ những thay đổi trong tự nhiên hay xã hội. Sự tăng trưởng dân số cũng có thể dẫn đến sự phá hủy của hệ thống môi trường hay sự tuyệt chủng của một số loài.

Vẫn chưa có một định nghĩa cụ thể cho an ninh sinh thái, tuy nhiên qua các định nghĩa trên, an ninh sinh thái có thể được hiểu là việc bảo vệ cho mọi trường sinh thái khỏi sự ô nhiễm và suy thoái, suy trì sự cân bằng và ổn định của hệ sinh thái. Ngoài ra khi an ninh sinh thái được bảo đảm, tức là khi môi trường sinh thái duy trì được sự ổn định, con người có thể tránh được những bất ổn, căng thẳng, xung đột do khủng hoảng sinh thái gây nên. Tóm lại, *an ninh sinh thái không chỉ là đảm bảo an ninh cho môi trường mà còn là sự đảm bảo an ninh cho các yếu tố có thể đe dọa đến cuộc sống và quá trình phát triển của con người.*

Nội dung của an ninh sinh thái bao gồm các vấn đề sau. Thứ nhất là các vấn đề về *dân số học*. Bùng nổ dân số có thể gây ra các vấn đề như khai thác và sử dụng quá mức tài nguyên và môi trường. Sự tăng nhanh dân số còn là một trong những nguyên nhân dẫn đến xung đột để tranh giành tài nguyên trên một vùng lãnh thổ. Thứ hai là về *an ninh*

⁵³ The Security Council of the Russian Federation (1996), *Environmental security of Russia*, trang 55

⁵⁴ Dennis Pirages and Ken Cousins (2005), *From Resources Scarcity to Ecological Security: Exploring New Limits to Growth*, The MIT Press, Cambridge, Massachusetts, London, England.

lượng thực. Mối lo ngại về nạn đói và thiếu lương thực cùng với sự bùng phát của dân số thế giới đã xuất hiện từ lâu và đang trở thành một mối đe dọa đối với xã hội. *Thứ ba là về vấn đề nguồn nước*. Hiện trên thế giới có hơn 1 tỷ người vẫn còn đang thiếu nước sạch để uống và khoảng 2 tỷ người đang còn thiếu những điều kiện vệ sinh cơ bản. *Vấn đề thứ tư là những vấn đề về năng lượng*. Nhu cầu cao về năng lượng đã và đang làm nảy sinh các nguy cơ về địa chính trị liên quan tới nguồn cung cấp dầu khí (các khu vực: Trung Đông, Vùng Trung Á thuộc Liên Xô cũ và những khu vực khác). *Cuối cùng là các vấn đề biến đổi khí hậu*. Ngày nay vấn đề biến đổi khí hậu đã trở thành mối quan tâm nổi bật trên toàn cầu, sinh thái đã được xem xét là những ưu tiên trong chính sách.

Xét về mặt định nghĩa cũng như nội hàm, có thể thấy được sự tương đồng giữa an ninh tự nhiên và an ninh sinh thái. Như đã nói ở chương II, an ninh tự nhiên là sự đảm bảo các nguồn cung tài nguyên thiên nhiên bền vững, đầy đủ và hợp lý cho nền kinh tế toàn cầu. An ninh sinh thái chỉ ra mối liên hệ giữa những vấn đề sinh thái theo nghĩa rộng (ô nhiễm môi trường, bùng nổ dân số, tài nguyên bị thiếu hụt,...) với các khả năng gây ra xung đột giữa các quốc gia, và đặt vấn đề đảm bảo sự ổn định của các vấn đề sinh thái này nhằm phục vụ cho quá trình phát triển của con người. Qua đó, có thể thấy **phạm vi và nội hàm của an ninh sinh thái rộng hơn và bao quát hơn**.

3.1.2 An ninh môi trường

Khái niệm an ninh môi trường bắt đầu xuất hiện trong các cuộc tranh luận quốc tế về biến đổi môi trường vào cuối những năm 1970. Năm 1977, một phát ngôn viên của Worldwatch (một tổ chức nghiên cứu môi trường toàn cầu) cho rằng an ninh môi trường đã nhanh chóng trở thành một vấn đề quan trọng do nguy cơ xảy ra các cuộc xung đột bạo lực phát sinh từ sự biến đổi môi trường và khan hiếm tài nguyên ngày càng tăng lên. Vào những năm 1980, các tổ chức và cá nhân đã bắt đầu chú ý đến việc những vấn đề an ninh có thể đe dọa đến an ninh của quốc gia ngoài lĩnh vực quân sự, trong đó có lĩnh vực an ninh môi trường. Sự quan tâm đối với vấn đề an ninh môi trường đã được đề cập đến trong các bản báo cáo như báo cáo Global 2000 của chính phủ Mỹ vào năm 1981, báo

cáo Our Common Future của Ủy ban Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển vào năm 1987.

Các vấn đề môi trường như sự biến đổi khí hậu, sự ô nhiễm xuyên biên giới, sự khan hiếm tài nguyên thiên nhiên có thể gây ra căng thẳng và thúc đẩy xung đột quân sự giữa các quốc gia. Mặc dù tầm quan trọng của an ninh môi trường đang ngày càng được khẳng định, cho đến nay vẫn chưa có sự thống nhất về định nghĩa cụ thể cho khái niệm an ninh môi trường. Sau đây là một số quan điểm về khái niệm an ninh môi trường.

Theo Cơ quan bảo vệ môi trường Hoa Kỳ, *an ninh môi trường là một quá trình mà qua đó các vấn đề môi trường được giải quyết nhằm đóng góp vào việc bảo vệ an ninh quốc gia.*⁵⁵ Liên bang Nga cho rằng *an ninh môi trường là sự bảo vệ môi trường tự nhiên và các lợi ích của con người, xã hội và nhà nước khỏi các tác động đe dọa sức khỏe con người, đa dạng sinh học, các hoạt động bền vững của hệ sinh thái, gây bất lợi cho quá trình phát triển của con người.*⁵⁶ Cộng đồng các quốc gia độc lập lại cho rằng *an ninh môi trường là trạng thái bảo vệ các lợi ích của cá nhân, xã hội, môi trường tự nhiên khỏi các tác nhân tác động đến môi trường do con người hay tự nhiên gây ra.*⁵⁷ Một nghiên cứu khác của Army Environmental Policy Institute (AEPI) thì lại không phát triển một định nghĩa cụ thể cho an ninh môi trường nhưng thay vào đó *xác định các yếu tố quan trọng tạo nên an ninh môi trường là cải thiện tình trạng khan hiếm tài nguyên, duy trì một môi trường ổn định, cải thiện vấn đề suy thoái môi trường, ngăn cản các xung đột có thể xảy ra liên quan đến vấn đề môi trường (nhằm thúc đẩy ổn định xã hội.)*⁵⁸

Trong bài nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu xem xét an ninh môi trường với nghĩa là *sự đảm bảo an ninh cho hệ thống môi trường nhằm duy trì điều kiện sống ổn định của con người.*

⁵⁵ USEPA, *Environmental Security* (Washington, D.C., 1999), trang 1.

⁵⁶ The Security Council of the Russian Federation, Moscow (1996), *Environmental Security of Russia*, trang 55

⁵⁷ *On Environmental Security*. 1996

⁵⁸ Jerome C. Glenn, Theodore J. Gordon, Renat Perelet (1998), *Defining Environmental Security: Implications for the US Army*, trang 19

Theo phân tích ở phần trên, an ninh tự nhiên đề cập đến việc đảm bảo an ninh cho quá trình phát triển con người một cách toàn diện hơn, bao gồm một số phương diện như sự đảm bảo về môi trường, lương thực, năng lượng,... Từ đó có thể nhận xét rằng an ninh môi trường là một bộ phận của an ninh tự nhiên với nội dung nghiên cứu chính là việc đảm bảo an ninh cho môi trường xung quanh con người, bảo vệ chúng khỏi các tác động do con người gây ra thông qua các hoạt động sống của mình, từ đó góp phần đảm bảo an ninh cho quá trình phát triển của con người.

3.1.3 An ninh lương thực

Lương thực luôn là một vấn đề cơ bản của con người. Trong thời kì tiền sử, phần lớn các cuộc di dân diễn ra là do các cuộc tìm kiếm lương thực. Sau đó vấn đề lương thực lại trở thành nguyên do biện minh cho các hành động xâm lược. Tuy nhiên, khái niệm an ninh lương thực là một khái niệm chỉ mới xuất hiện vào giữa những năm 70 trong các thảo luận về tình hình lương thực thế giới trong bối cảnh cuộc khủng hoảng lương thực toàn cầu vào thời điểm 1872-1974. Với sự mở rộng của khái niệm an ninh quốc gia, an ninh lương thực trở thành một trong những nội dung cần được đảm bảo để duy trì an ninh, sự ổn định của một quốc gia

Tại Hội nghị thượng đỉnh thế giới về lương thực năm 1974: “luôn có đủ nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm cơ bản cho thế giới để đảm bảo việc tiêu dùng lương thực, thực phẩm ngày một nhiều hơn và để bù đắp cho những biến động trong sản xuất và giá cả” (UN, 1975).⁵⁹

Sau đó vào năm 1983, FAO mở rộng định nghĩa này bằng cách thêm cả việc đảm bảo cho những người khó khăn có thể tiếp cận được với các nguồn cung cấp sẵn có, với ngụ ý cần quan tâm đến sự cân bằng giữa cầu và cung trong an ninh lương thực: “đảm bảo tất cả mọi người lúc nào cũng tiếp cận được về mặt vật lý và kinh tế đối với nguồn

⁵⁹ United Nations. (1975). *Report of the World Food Conference, Rome 5-16 November 1974*. New York.

lượng thực mà họ cần”.⁶⁰

Năm 1986, báo cáo của Ngân hàng thế giới (World Bank) đã chú trọng đến yếu tố thời gian trong an ninh lương thực. Báo cáo đã đưa ra sự phân biệt và so sánh giữa mất an ninh lương thực kéo dài (liên quan đến vấn đề nghèo đói và thu nhập thấp) và mất an ninh lương thực tạm thời (gây ra bởi các thảm họa tự nhiên, sụp đổ kinh tế hoặc xung đột). Khái niệm An ninh lương thực được cụ thể hóa theo định nghĩa: “tất cả mọi người luôn tiếp cận được với đủ lương thực, thực phẩm để đảm bảo một cuộc sống khoẻ mạnh và năng động.”⁶¹

Hội nghị lương thực thế giới năm 1996 đưa ra một khái niệm phức tạp: “an ninh lương thực ở các cấp độ cá nhân, gia đình, khu vực và toàn cầu [đạt được] khi tất cả mọi người lúc nào cũng tiếp cận được về mặt vật lý và kinh tế đối với nguồn lương thực đầy đủ, an toàn và đảm bảo dinh dưỡng, để đáp ứng nhu cầu bữa ăn và sở thích đối với thức ăn, nhằm đảm bảo một cuộc sống năng động và khoẻ mạnh” (FAO, 1996).⁶²

Báo cáo về tình hình mất an ninh lương thực năm 2001 đã chỉnh sửa lại khái niệm này như sau: “An ninh lương thực là tình trạng khi tất cả mọi người lúc nào cũng tiếp cận được về mặt vật lý, xã hội và kinh tế đối với nguồn lương thực đầy đủ, an toàn và đảm bảo dinh dưỡng để đáp ứng nhu cầu bữa ăn và sở thích đối với thức ăn nhằm đảm bảo một cuộc sống năng động và khoẻ mạnh”⁶³

Nhìn chung, *an ninh lương thực có thể được hiểu là sự đảm bảo lương thực và dinh dưỡng đầy đủ cho dân số ngày càng tăng lên của thế giới.*

Theo đó có thể thấy an ninh lương thực là một khía cạnh nằm trong nội hàm của

⁶⁰ FAO. (1983). *World Food Security: a Reappraisal of the Concepts and Approaches*. Director General's Report. Rome

⁶¹ World Bank. 1986. *Poverty and Hunger: Issues and Options for Food Security in Developing Countries*. Washington DC.

⁶² FAO. 1996. *Rome Declaration on World Food Security and World Food Summit Plan of Action*. World Food Summit 13-17 November 1996. Rome

⁶³ FAO. 2002. *The State of Food Insecurity in the World 2001*. Rome.

an ninh tự nhiên (đã được phân tích ở phần Đất canh tác) với nội dung xem xét đến việc đảm bảo lương thực cho con người. Việc đảm bảo cung cấp và duy trì đầy đủ nguồn lương thực cũng như dinh dưỡng góp phần đảm bảo sự ổn định cho quốc gia, tránh những xung đột cũng như bất ổn có thể có do vấn đề lương thực gây ra.

3.1.4 An ninh năng lượng

Theo Thierry Legender - Cố vấn về chính sách của văn phòng tổng thư ký NATO thì :
“*An ninh năng lượng về cơ bản là sự kết hợp giữa 2 yếu tố AN NINH và chủ quyền của quốc gia về NĂNG LƯỢNG. Năng lượng là huyết mạch của Xã hội, là nhiên liệu của nền kinh tế và duy trì trật tự xã hội. An ninh năng lượng là khả năng tiếp cận các nguồn tài nguyên năng lượng một cách liên tục bằng cách này hay cách khác, với một chất lượng chấp nhận được, và giá cả phải chăng.*”⁶⁴

William và Nicolas Lefèvre lại định nghĩa an ninh năng lượng là :” *Sự bảo đảm năng lượng có sẵn ở các hình thức khác nhau với đầy đủ trữ lượng và giá cả chấp nhận được mà không gây ra các tác động xấu đến môi trường. Đương nhiên, những điều kiện này phải được duy trì một cách dài hạn thì mới đảm bảo cho việc phát triển một cách bền vững. An ninh năng lượng dựa trên hai nguyên tắc, sử dụng ít năng lượng hơn để cung cấp các dịch vụ cần thiết và áp dụng công nghệ hiện đại để khai thác các nguồn tài nguyên năng lượng đáng tin cậy, giá cả phải chăng và đa dạng*”⁶⁵

Nói đơn giản, An ninh năng lượng – hay nói cách khác là sự ổn định về nguồn cung cấp năng lượng, tất cả đều có ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh quốc gia. Bất kỳ sự gián đoạn nào của nguồn cung năng lượng cũng sẽ gây hại trực tiếp đến nền kinh tế và sự ổn định chính trị của một quốc gia cũng như cuộc sống của từng người dân. Xã hội của chúng ta hoàn toàn phụ thuộc vào các nguồn cung năng lượng này như các trạm xăng

⁶⁴ Thierry Legender (2007), *NATIONAL SECURITY TABLE, Energy Security of the 21st century*, Bratislava, Slovakia: tr.3

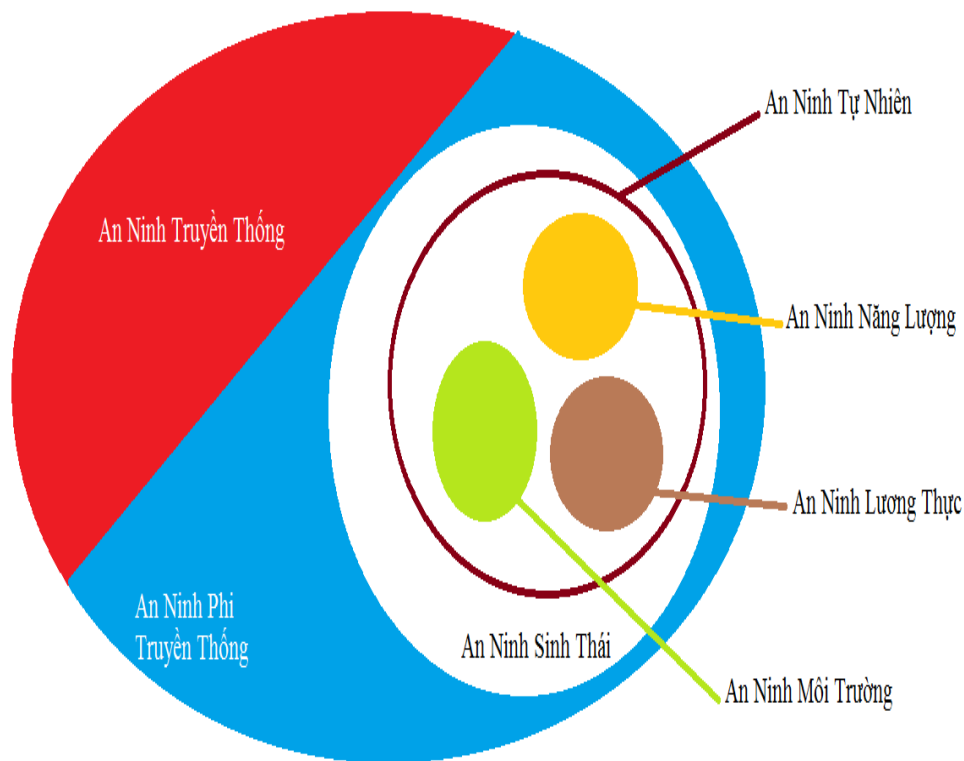
⁶⁵ William và Nicolas Lefèvre, *Energy Security and Climate Change Policy Interactions*. International Energy Agency, Paris: tr.13

hoặc các nhà máy điện. Không chỉ riêng người dân, các công ty kinh doanh mà cả bộ phận chính quyền cũng cần phải được cung cấp năng lượng để hoạt động đúng cách. Do đó một nguồn cung cấp năng lượng là một điều kiện tiên quyết cho tăng trưởng kinh tế và tính hợp pháp của một thực thể chính trị.

Trong khi đó, An ninh tự nhiên – Như đã nói ở chương II An ninh tự nhiên là sự đảm bảo các nguồn cung tài nguyên thiên nhiên bền vững, đầy đủ và hợp lý cho nền kinh tế toàn cầu. Các nguồn cung về tài nguyên này có thể được hiểu là nguồn nước, đất canh tác, đa dạng sinh học, năng lượng, khoáng sản, các nguồn tài nguyên để đáp ứng cho nhu cầu đang liên tục gia tăng của dân số thế giới cũng như nhu cầu của từng quốc gia. Đồng thời việc tăng mức tiêu thụ các nguồn tài nguyên này cũng dẫn đến các hậu quả như sự biến đổi khí hậu, mất đa dạng sinh học. Các vấn đề này sẽ đe dọa đến an ninh của các quốc gia.

Qua việc phân tích hai định nghĩa trên, có thể dễ dàng nhận thấy an ninh năng lượng và an ninh tự nhiên có rất nhiều điểm tương đồng nếu không muốn nói an ninh năng lượng chính là một phần của an ninh tự nhiên.

Có thể sơ đồ hóa sự liên quan và giao thoa của các khái niệm an ninh nói trên bằng sơ đồ sau.



Sơ đồ 2: So sánh các khái niệm an ninh

3.2 Triển vọng của khái niệm an ninh tự nhiên

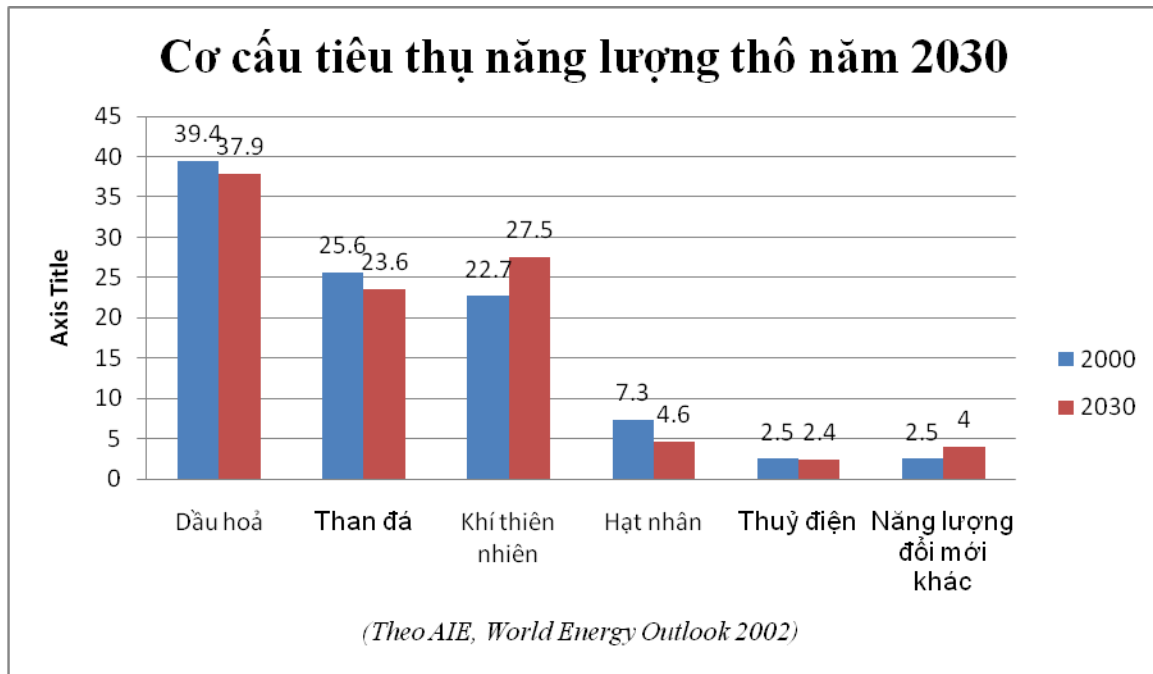
Như đã nêu ở các chương trên, An Ninh Tự Nhiên là “*sự đảm bảo các nguồn cung tài nguyên thiên nhiên bền vững, đầy đủ và hợp lý cho nền kinh tế toàn cầu. Các nguồn cung về tài nguyên này có thể được hiểu là nguồn nước, đất canh tác, đa dạng sinh học, năng lượng, khoáng sản, các nguồn tài nguyên để đáp ứng cho nhu cầu đang liên tục gia tăng của dân số thế giới cũng như nhu cầu của từng quốc gia. Đồng thời việc tăng mức tiêu thụ các nguồn tài nguyên này cũng dẫn đến các hậu quả như sự biến đổi khí hậu, mất đa dạng sinh học. Các vấn đề này sẽ đe dọa đến an ninh của các quốc gia.*”

Do đó, khi nhân loại phải đối mặt với nhu cầu năng lượng gia tăng do sự phát triển kinh tế và bùng nổ dân số thì nhiệm vụ đảm bảo các nguồn cung tài nguyên thiên nhiên trong tương lai càng trở nên cấp thiết, đi kèm đó cũng là những khó khăn vô cùng nan giải. Bên cạnh đó, một khó khăn khác cũng được đặt ra, đó chính là tương lai cạn kiệt tất yếu của một số nguồn tài nguyên quan trọng, điển hình là dầu mỏ, hoặc sự nguy hiểm và bất cập trong việc chế tạo và sử dụng như năng lượng hạt nhân mà vụ nhà máy Fukushima mới đây là một điển hình. Và vấn đề đặt ra ở đây là phát triển những dự định tìm kiếm các nguồn năng lượng thay thế cho dầu mỏ trong tương lai không xa.

Năm 2002, cơ quan năng lượng quốc tế (IEA) đã đề ra kịch bản về sự tiến triển của năng lượng từ nay cho đến năm 2030 trong một quyển sách có tựa đề là World Energy Outlook 2002. Các giả thuyết của IEA được dựa trên 3 tham số chính, đó là sự tăng trưởng kinh tế. IEA đã ghi nhận một tỉ suất trung bình là 3% cho giai đoạn từ 2000-2030 mà đỉnh cao là 2010. Tham số thứ 2 là sự gia tăng dân số thế giới. IEA tính đến năm 2030, dân số thế giới sẽ lên đến 8,2 tỉ người so với năm 2000 là 6 tỉ. Sau cùng, tham số thứ 3 dựa trên giá cả các loại năng lượng, nhất là giá dầu hoả. Người ta ghi nhận giá dầu hoả trung bình đã gia tăng trong một thời gian dài.

Cuối cùng IEA cho ra kết luận, nhu cầu năng lượng thô của thế giới có thể đạt 15.267 Mtep vào năm 2030 so với 9.179 Mtep vào năm 2000, tức là tăng lên 66%⁶⁶. Bên cạnh đó, mức tiêu thụ khí thiên nhiên cũng tăng gấp 2 lần do có lượng phân bố địa lý các trữ lượng tốt và sự sử dụng linh động trong nhiều năm nay để trở thành một loại năng lượng đánh lưu ý do mức tiêu thụ tăng cao. Trong khi đó, nhu cầu sử dụng năng lượng than đá và năng lượng nguyên tử sẽ giảm xuống do sự nguy hiểm và tổn hại đến môi trường cũng như sự lên ngôi của các nguồn năng lượng sạch, các nguồn năng lượng thay thế và kể cả khí thiên nhiên trong việc sản xuất điện.

⁶⁶ Ludovic Mons. (2008). *Vấn đề năng lượng: Dầu hỏa, hạt nhân và sau đó là gì?* NXB Trẻ. TP. Hồ Chí Minh .Tr. 140



Biểu đồ 6: Cơ cấu tiêu thụ năng lượng thô năm 2030.

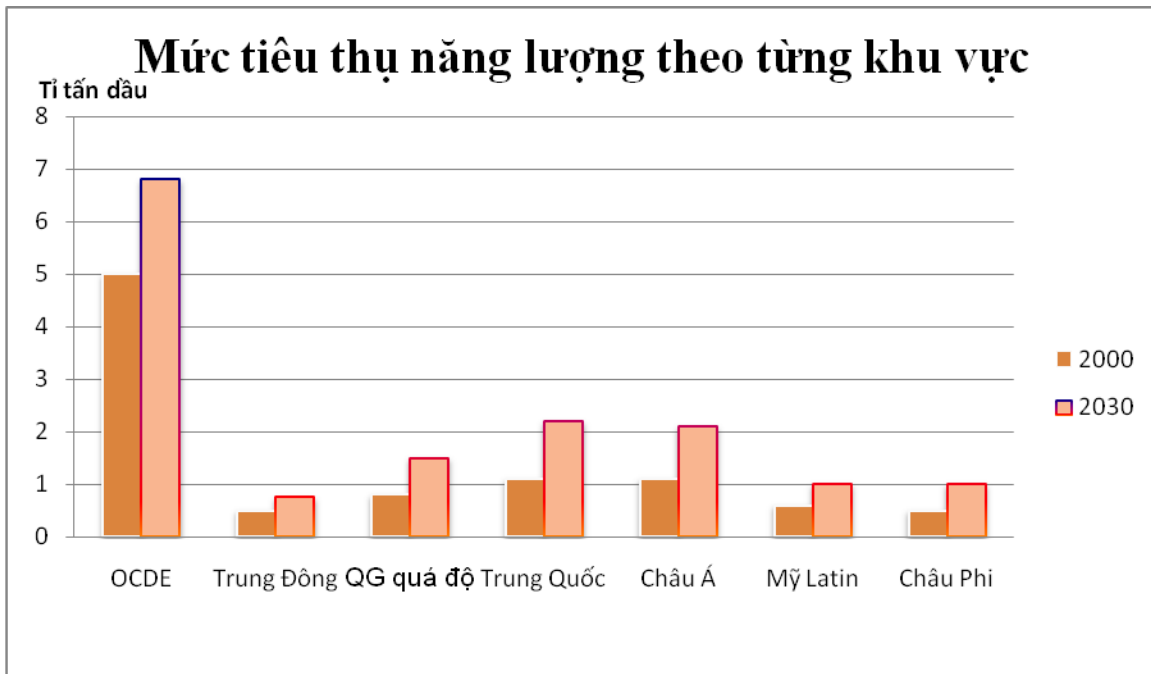
Trong khi mức tiêu thụ năng lượng ở các quốc gia phát triển giảm từ 58% xuống còn 47% vào năm 2030 thì ngược lại các quốc gia đang phát triển sẽ nâng mức tiêu thụ của mình từ 30% lên 42% để làm động lực phát triển cho nền kinh tế. Nhưng mức tiêu thụ năng lượng thô trong các quốc gia có nền kinh tế quá độ vẫn ổn định (10% năm 2000 và 11% năm 2030).

Trong bối cảnh này, khí CO₂ thải ra tăng lên 68.8% trong vòng 30 năm, khối lượng CO₂ này sẽ bằng với khối lượng CO₂ đã được thải ra. Điều này sẽ làm môi trường thế giới bị tổn hại, ảnh hưởng rất nhiều đến sự thay đổi khí hậu, góp phần làm trái đất nóng lên và tăng hiệu ứng nhà kính.

Trong các nước đang phát triển, có thể dễ dàng nhận thấy Trung Quốc đang là quốc gia tiêu thụ năng lượng mạnh tay nhất. Chỉ trong vòng 4 năm từ 1999-2003, mức tiêu thụ năng lượng của Trung Quốc đã tăng lên 55%⁶⁷, thậm chí năm cuối cùng đã tăng vọt lên đến 14%. AIE tiên đoán mức tiêu thụ sẽ tăng 125% từ năm 2002 đến năm 2030. Chỉ

⁶⁷ Như trên

riêng Trung Quốc đã chịu trách nhiệm 20% mức gia tăng năng lượng toàn cầu trong 30 năm tới.



Biểu đồ 7: Mức tiêu thụ năng lượng theo từng khu vực năm 2030.

Qua những phân tích trên, ta có thể thấy năng lượng và nhu cầu sử dụng năng lượng của các quốc gia trong tương lai không hề thay đổi mà còn có xu hướng tăng mạnh. Dầu hỏa vẫn giữ vị trí quán quân trong sự phát triển của nền kinh tế toàn cầu. Các quốc gia tiếp tục tìm kiếm nguồn cung cấp năng lượng cho mình, lúc đó những khu vực dự trữ nguồn dầu mỏ lớn như Trung Đông vẫn tiếp tục là điểm nóng trên thế giới mà sự kiện Libya mới đây là một ví dụ. Ngay sau khi Đại Tá Gaddafi bị lật đổ, các công ty dầu mỏ và năng lượng của EU và Mỹ đã tổ chức ngay các cuộc đấu thầu để giành quyền đầu tư vào quốc gia dầu mỏ này. Trong tương lai không xa có thể sẽ là Syria và Iran, những nước có nguồn tài nguyên dầu mỏ dồi dào nhưng luôn tỏ ra “cứng đầu” với phương Tây. Bên cạnh đó là sự phát triển như vũ bão của Trung Quốc đi đôi với nhu cầu năng lượng tăng mạnh thì sự can dự của “ông lớn mới nổi” này vào Trung Đông (nhất là Iran) để tìm kiếm nguồn cung dầu mỏ là điều không khó để dự đoán. Dù vậy, Trung Đông vẫn còn là

một nơi khá xa lạ với Bắc Kinh cho nên song song đó họ cũng sẽ hướng cái nhìn của mình đến các thị trường và các khu vực có tiềm năng dầu mỏ khác như Venezuela (với Hugo Chavez là một người cánh tả), tới Châu Phi (hiện tại có hơn 750.000 người Trung Quốc đang định cư tại lục địa đen) và biển Đông, nơi mà Trung Quốc đã quá thân thuộc và có trữ lượng dầu mỏ khá lớn mới được phát hiện gần đây. Chính điều này sẽ khiến biển Đông trở thành điểm nóng trong tương lai không xa với sự xuất hiện của Mỹ, các nước ASEAN và tất nhiên là Việt Nam.

Ngoài ra, các quốc gia sản xuất năng lượng khác như Nga(khí thiên nhiên) và khoáng sản cần thiết cho nền công nghiệp thế giới trong tương lai như Trung Quốc(đất hiếm) Chile(Lithium)...Sẽ tiếp tục sử dụng sự độc quyền của mình trên thị trường để tạo ra sức ép chính trị nhằm đạt được những mục đích mà họ cần.

Trong khi các vấn đề về năng lượng, khoáng sản có thể gây ảnh hưởng lên các chủ thể quan hệ quốc tế thì các vấn đề về nước còn ảnh hưởng sâu hơn đến các chủ thể bên trong của quốc gia như mâu thuẫn giai cấp, mâu thuẫn giàu nghèo. Thật vậy, việc đánh giá sự thiếu nước dựa trên sự gia tăng dân số cũng chưa đầy đủ mà còn phải tính đến các nhu cầu nước ngày càng cao tại các thành phố lớn, nhất là ở các nước thuộc thế giới thứ ba. Trong các khu bình dân của các thành phố này, người ta dự kiến được những đòi hỏi phải cung cấp nước sạch cho họ, hệ thống thoát nước cũng thế, những đòi hỏi ngày càng gay gắt và cấp thiết. Do đó, chính quyền ở các thành phố lớn sẽ phải đối mặt với các yêu sách đòi hỏi sự bình đẳng giữa các khu phố giàu có và các khu ổ chuột. Một bên dùng nước thoải mái, còn bên kia, nơi sinh sống của đa số cư dân thành phố hầu như chẳng có gì. Do không thể cấm hay giảm lượng nước cung cấp cho các khu phố giàu, người ta chỉ còn cách là gia tăng các sản lượng nước tổng quát cho thành phố. Nhiều nhà hoạt động chính trị, nhất là các nhà môi trường luôn cho rằng cần phải xem nước như là một nhu yếu phẩm, không thể chuyển nhượng và quyền được sử dụng nước là một quyền cơ bản của con người. Nhưng thật ra, để có thể phân phối nước như đòi hỏi của mọi người thì vấn đề tài chính lại là một sự khó khăn đáng kể, khi đó, chính phủ phải ưu tiên các kế hoạch thủy

lực và tất nhiên những kế hoạch này cần phải có một lượng đầu tư lớn. Do đó, vì nhu cầu cấp thiết nên một số chính quyền thành phố đã phải nhờ đến các nhà đầu tư và các dịch vụ của các công ty, tập đoàn đủ giàu có và năng lực. Họ phải ký kết các hợp đồng trong đó phải đảm bảo có lãi cho các nhà đầu tư. Và sau đó, chính quyền lại phải thu tiền thuế của dân chúng để có kinh phí phục vụ cho mạng lưới phân phối nước điều này tạo ra một vòng tròn lẩn quẩn và khó có thể giải quyết dễ dàng trong một tương lai gần. Chính những mâu thuẫn ngày càng khó giải quyết này sẽ dẫn đến các bất đồng khác trong xã hội và từ đó, nguy cơ bất ổn về chính trị sẽ bị nâng lên cao. Lịch sử đã cho thấy cuộc cách mạng Hoa Nhài đã xảy ra chỉ vì một anh bán rau tự thiêu, nhưng nguyên nhân sâu xa vẫn là mâu thuẫn về giai cấp và giàu-nghèo... Do đó, chính quyền các nước thế giới thứ ba phải có những chính sách hợp lý để không tạo điều kiện cho một cuộc “Cách mạng nước” có thể xảy ra trong tương lai.

KẾT LUẬN

Trong thế kỉ 21, an ninh của các quốc gia ngày càng phụ thuộc vào sự đảm bảo an ninh các nguồn tài nguyên thiên nhiên, hay "an ninh tự nhiên". Sự đảm bảo "an ninh tự nhiên" đang đóng vai trò ngày càng quan trọng trong an ninh quốc gia khi các nước ngày càng phụ thuộc vào nguồn nước, đất canh tác, đa dạng sinh học, năng lượng, khoáng sản, các nguồn tài nguyên để đáp ứng cho nhu cầu đang liên tục gia tăng của dân số thế giới. Đồng thời việc tăng mức tiêu thụ các nguồn tài nguyên này cũng dẫn đến các hậu quả như sự biến đổi khí hậu, mất đa dạng sinh học. Các vấn đề này sẽ đe dọa đến an ninh của các quốc gia. *An ninh tự nhiên có thể được hiểu là sự đảm bảo các nguồn cung tài nguyên thiên nhiên bền vững, đầy đủ và hợp lý cho nền kinh tế toàn cầu* - Sharon Burke

An ninh tự nhiên là một thuật ngữ mới trong quan hệ quốc tế và nó có thể được sử dụng trong nhiều ngành khoa học khác như sinh học, hóa học, môi trường,... Dù đứng trên quan điểm quan hệ quốc tế hay bất cứ ngành khoa học nào thì an ninh tự nhiên ngày càng được nhìn nhận và quan tâm như một vấn đề quan trọng và mang tính toàn cầu. Không ai có thể biết trước điều gì sẽ diễn ra trong tương lai và dù cho quan điểm của chủ nghĩa hiện thực đúng hay quan điểm của chủ nghĩa tự do đúng, trên hết loài người là những người thấu hiểu hơn cả hệ quả to lớn có ảnh hưởng của vấn đề an ninh tự nhiên đối với an ninh mỗi quốc gia trên thế giới. Chắc chắn rằng vấn đề an ninh tự nhiên trong tương lai sẽ là một nguồn tạo ra căng thẳng và xung đột ở nhiều nơi trên toàn thế giới khi mà nhu cầu của con người ngày càng tăng trong khi trữ lượng của các nguồn tài nguyên thiên nhiên đều có hạn. Giải pháp trong tương lai gần cho con người có lẽ là tìm những nguồn tài nguyên thay thế như thức ăn tổng hợp, năng lượng hạt nhân, năng lượng mặt trời, thủy triều,... Trên đây là một vài nhận định về vấn đề an ninh tự nhiên.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

1. Anne Lefevre – Balleydier (2010), *Larousse: Biển và đại dương*, NXB Trẻ
2. Bách khoa toàn thư Việt Nam.
3. Bernard Guillochon (2011), *Larousse: Toàn cầu hóa - duy nhất một hành tinh, nhiều dự án khác nhau*, NXB Trẻ
4. Catherine Rollet (2011), *Larousse: Dân số thế giới - 6.5 tỉ người và sẽ là bao nhiêu trong tương lai*, NXB Trẻ
5. Nguyễn Trọng Chuẩn (2006), *Những vấn đề toàn cầu trong hai thập niên đầu của thế kỉ XXI*, Nxb Chính trị quốc gia
6. Joel Krieger (2009), *Toàn cảnh nền chính trị thế giới*, Nxb. Lao Động.
7. Loic Chauveau (2008), *Larousse: Các nguy cơ đe dọa sinh thái*, NXB Trẻ
8. Ludovic Mons (2008), *Larousse: Vấn đề năng lượng: Dầu hỏa, hạt nhân và sau đó là gì?*, NXB Trẻ
9. Nguyễn Lanh (2011), Giới thiệu về an ninh sinh thái, truy cập tại <http://www.isponre.gov.vn/home/dien-dan/648-gioi-thieu-ve-an-ninh-sinh-thai>
10. Nguyễn Nhâm (2011), *Châu Á – Thái Bình Dương: “Điểm nóng” an ninh phi truyền thống*, Petro Times
11. Nguyễn Mạnh Hưởng (2011), *An ninh phi truyền thống - vấn đề mang tính toàn cầu*, Tạp chí Cộng sản điện tử
12. Trà Mi (2008), *Thay đổi khí hậu thử thách an ninh quốc gia*, truy cập tại http://www.khoahoc.com.vn/doisong/moi-truong/khi-hau/20794_Thay-doi-khi-hau-thu-thach-an-ninh-quoc-gia.aspx
13. Đinh Thị Kim Ngân (2011), *Biến đổi khí hậu – Thách thức an ninh phi truyền thống thế giới*, truy cập tại <http://kxhvn.duytan.edu.vn/Trangvan/Detail.aspx?id=276&lang=VN>
14. S.Rahmstorf – Hans J. Schellnhuber (2008), *Khí hậu biến đổi*, NXB Trẻ

15. Vương Dật Châu (2006), *An ninh quốc tế trong thời đại toàn cầu hóa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
16. Yves Sciama (2010), *Biến đổi khí hậu – Một thời đại mới trên trái đất*, NXB Trẻ
17. Yves Lacoste (2010), *Larousse: Vấn đề nước trên thế giới – Trận chiến cho cuộc sống*, NXB Trẻ

Tiếng Anh:

18. Andree Kirchner, *Environmental Security*, truy cập tại địa chỉ <http://www.uvm.edu/~shali/Kirchner.pdf>
19. Andrew Malone (2008), *How China's taking over Africa, and why the West should be very worried*, The Daily Mail, truy cập tại địa chỉ <http://www.dailymail.co.uk/news/article-1036105/How-Chinas-taking-Africa-West-VERY-worried.html> .
20. BBC News (28 April 2009), "*Central Asia fails in water talks*".
21. BBC News (2010): "*Worldwide battle for water (video)*".
22. Bruce Russett, Harvey Starr & David Kinsella (2000), *World Politics*, Bedford/St. Martins, NY
23. Christine Parthemore, T. J. (2011), *Fueling the Future Force: Preparing the Department of Defense for a Post-Petroleum Era*, Center for a new America Security's report.
24. Christine Parthemore, T.J. (2011), *Elements of Security Mitigating the Risks of U.S. Dependence on Critical Minerals*, Center for a new America Security's report.
25. Christine Pathemore, Will Rogers (2010), *Sustaining Security: How natural security influence national security*, CNAS.
26. The Center for a New American Security (CNAS), *Reading old magazines: Natural Security*, truy cập tại địa chỉ

- <http://www.cnas.org/blogs/naturalsecurity/2009/06/reading-old-magazines-natural-security.html>.
27. Colonel W. Chris King (2000), *Understanding international environmental security: a strategic military perspective*, Army Environmental Policy Institute.
 28. Conway W. Henderson (1998), *International Relations – Conflict and Cooperation at the Turn of the 21st Century*, Mc-Grawhill, Boston
 29. Donald Hugh McMillen (2009), *A brief introduction on traditional and non-traditional security: the “glocal” dimensions of uncertainty in the early 21 century—some themes and a proposed analytical framework*, Griffith University, truy cập tại địa chỉ http://www.griffith.edu.au/__data/assets/pdf_file/0007/169252/donald-mcmillen-introduction-paper.pdf
 30. Food and Agriculture Organization of the United Nations (2010), *Environmental security: food and agriculture organization of the united nations*, Rome
 31. Food and Agriculture Organization of the United Nations (2003), *Trade Reforms and Food Security*, Rome, truy cập tại địa chỉ <http://www.fao.org/docrep/005/y4671e/y4671e00.htm#Contents>
 32. Jerome C. Glenn, Theodore J. Gordon, Renat Perelet (1998), *Defining Environmental Security: Implications for the US Army*
 33. Jackson & Sorensen (1999), *Introduction to International Relations*, OUP, Oxford
 34. Kevin Danaher, Shannon Biggs, Jason Mark (2007), *World's Water Supply at Risk*, truy cập tại địa chỉ <http://www.alternet.org/story/62950/>
 35. Oli Brown and Alec Crawford (2009), *Rising Temperatures, Rising Tensions*, Ministry of foreign affairs of Denmark’s report
 36. Parthemore, C. (2011), *Elements of Security, Mitigating the Risks of U.S. Dependence on Critical Minerals*
 37. Patrick Clawson, ed. (1997), *“Strategic Assessment: Flashpoints and Force Structure”*, Washington DC

38. Peter H. Gleick (1993), “*Water and Conflict: Fresh Water Resources and International Security*”, *International Security*
39. Ratmat Witoelar (2008), *Energy Security and Climate Change: An Indonesian Perspective*, *Journal of European Studies*, volume IV, No.1, Indonesia, trang 5-20
40. Stacey Combes, Michael L. Prentice, Lara Hansen, Lynn Rosentrater, *Climate Change and global glacier decline*, WWF, truy cập tại địa chỉ
<http://www.worldwildlife.org/climate/Publications/WWFBinaryitem4920.pdf>
41. Stephen C. Pelletiere (2003), *A War Crime Or an Act of War?*, The New York Times
42. Sue Stolton, Nigel Dudley, Jonathan Randall (2008), *Natural Security: Protected areas and hazard mitigation*, WWF.
43. Thierry Legender (2007), *National security table, Energy Security of the 21st century*, Bratislava, Slovakia
44. Thom Shanker (2011), *Introduction: A need for ‘Natural Security’*, The New York Times, truy cập tại địa chỉ
<http://www.nytimes.com/interactive/2010/12/12/weekinreview/12shanker.html>
45. U.S. Geological Survey (2011), *Minerals Commodity Summary*, Washington DC
46. William và Nicolas Lefèvre (2007), *Energy Security and Climate Change Policy Interactions*. International Energy Agency, Paris

PHỤ LỤC